

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: **43** /KH-UBND

Đồng Nai, ngày **29** tháng 01 năm 2026

KẾ HOẠCH

**Khai thác tổng hợp, mở rộng phạm vi cung cấp dịch vụ để phát huy năng
lực công trình thủy lợi do Công ty TNHH MTV Thủy lợi Đồng Nai
quản lý, vận hành khai thác**

Căn cứ Luật Thủy lợi ngày 19 tháng 6 năm 2017;

*Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy
hoạch ngày 29 tháng 11 năm 2018;*

Căn cứ Luật Tài nguyên nước ngày 27 tháng 11 năm 2023;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 18 tháng 01 năm 2024;

*Căn cứ Nghị định số 67/2018/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2018 của
Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Thủy lợi; được sửa đổi, bổ
sung bởi Nghị định số 40/NĐ-CP ngày 27 tháng 6 năm 2023;*

*Căn cứ Nghị định số 114/2018/NĐ-CP ngày 04 tháng 9 năm 2018 của
Chính phủ về quản lý an toàn đập, hồ chứa nước;*

*Căn cứ Nghị định số 53/2024/NĐ-CP ngày 16 tháng 5 năm 2024 của
Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên nước;*

*Căn cứ Nghị định số 08/2025/NĐ-CP ngày 09 tháng 01 năm 2025 của
Chính phủ quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng
thủy lợi;*

*Căn cứ Nghị định số 131/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của
Chính phủ quy định phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp
trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;*

*Căn cứ Nghị định số 136/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của
Chính phủ Quy định phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực nông nghiệp và môi
trường;*

*Căn cứ Thông tư số 05/2018/TT-BNNPTNT ngày 15 tháng 5 năm 2018 của
Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định chi tiết một số điều của Luật
Thủy lợi; được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 03/2022/TT-BNNPTNT ngày
16 tháng 6 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;*

*Căn cứ Thông tư số 03/2024/TT-BTNMT ngày 16 tháng 5 năm 2024 của
Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều
của Luật Tài nguyên nước;*

*Căn cứ Thông tư số 20/2025/TT-BNNMT ngày 19 tháng 6 năm 2025 quy
định chi tiết về phân quyền, phân cấp, phân định thẩm quyền quản lý nhà nước
trong lĩnh vực thủy lợi;*

Căn cứ Văn bản số 832/VPCP-NN ngày 04 tháng 02 năm 2025 của Văn phòng chính phủ về việc tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, thúc đẩy khai thác đa mục tiêu, phát huy tối đa tiềm năng, giá trị công trình thủy lợi;

Căn cứ Kế hoạch số 380/KH-UBND ngày 11 tháng 12 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai về việc khai thác tổng hợp, mở rộng phạm vi cung cấp dịch vụ để phát huy năng lực các công trình thủy lợi do Công ty TNHH MTV Khai thác công trình thủy lợi Đồng Nai quản lý vận hành khai thác.

Sau khi xem xét nội dung kiến nghị của Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 520/TTr-SoNNMT ngày 01 tháng 12 năm 2025, Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai ban hành Kế hoạch khai thác tổng hợp, mở rộng phạm vi cung cấp dịch vụ để phát huy năng lực của công trình thủy lợi do Công ty TNHH MTV Thủy lợi Đồng Nai quản lý, vận hành khai thác như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

Làm cơ sở để Công ty TNHH MTV Thủy lợi Đồng Nai tổ chức lập phương án khai thác tổng hợp, mở rộng phạm vi cung cấp dịch vụ của từng công trình thủy lợi, để vừa đảm bảo cung cấp nước phục vụ sản xuất nông nghiệp, công nghiệp, sinh hoạt, nuôi trồng thủy sản; vừa đáp ứng nhu cầu phát triển du lịch, dịch vụ thương mại; nhằm phát huy năng lực phục vụ của công trình thủy lợi theo hướng đa mục tiêu, góp phần phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

2. Yêu cầu

a) Việc khai thác tổng hợp và sử dụng hiệu quả công trình thủy lợi đảm bảo phù hợp với Quy hoạch phát triển kinh tế, xã hội của địa phương, đảm bảo mục tiêu nhằm phát huy tối đa năng lực công trình.

b) Tăng cường vai trò, chức năng quản lý nhà nước trong lĩnh vực thủy lợi; tạo điều kiện thuận lợi cho Công ty quản lý, khai thác, sử dụng công trình hợp lý, nâng cao hiệu quả khai thác và sử dụng công trình thủy lợi; đồng thời, tạo điều kiện cho các tổ chức, cá nhân nghiên cứu, triển khai đầu tư khai thác tổng hợp từ công trình thủy lợi để phát triển kinh tế, nâng cao giá trị sử dụng từ công trình thủy lợi theo quy định của pháp luật.

II. MỤC TIÊU VÀ PHẠM VI THỰC HIỆN

1. Mục tiêu

a) Khai thác đa mục tiêu, phát huy tối đa tiềm năng, giá trị công trình thủy lợi, tăng nguồn thu, giảm dần sự phụ thuộc vào ngân sách nhà nước, theo chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại Văn bản số 832/VPCP-NN ngày 04 tháng 02 năm 2025 của Văn phòng Chính phủ về việc tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, thúc đẩy khai thác đa mục tiêu, phát huy tối đa tiềm năng, giá trị công trình thủy lợi.

b) Đảm bảo phát huy tối đa năng lực công trình để phục vụ tưới, tiêu, cấp nước cho sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản; cung cấp nước cho sản xuất công nghiệp, sinh hoạt, phát triển dịch vụ du lịch và các ngành kinh tế khác của địa phương, đồng thời đảm bảo an toàn công trình, chủ động ứng phó với biến

đổi khí hậu.

c) Khai thác và sử dụng đất hiệu quả trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi theo hướng phát triển phục vụ đa mục tiêu (mặt nước, vùng bán ngập,...), góp phần phát triển kinh tế- xã hội bền vững của địa phương.

d) Đẩy mạnh cung cấp các dịch vụ có thu từ công trình thủy lợi, khai thác tối đa năng lực của công trình thủy lợi hiện có và tiềm năng phát triển của công trình, đảm bảo nguồn tài chính ổn định cho các tổ chức quản lý khai thác công trình thủy lợi, tăng nguồn thu từ dịch vụ thủy lợi khác, giảm nguồn hỗ trợ tài chính từ ngân sách nhà nước.

2. Phạm vi thực hiện

Việc khai thác tổng hợp, mở rộng phạm vi cung cấp dịch vụ trong phạm vi quản lý, khai thác và sử dụng công trình thủy lợi tại các công trình do Công ty TNHH MTV Thủy lợi Đồng Nai vận hành, khai thác trên địa bàn tỉnh Đồng Nai (mới).

III. NỘI DUNG KẾ HOẠCH

1. Hiện trạng năng lực phục vụ, khai thác cung cấp dịch vụ của công trình thủy lợi

Hiện nay, Công ty TNHH MTV Thủy lợi Đồng Nai được Ủy ban nhân dân tỉnh giao quản lý, vận hành khai thác 85 công trình thủy lợi trên địa bàn; trong đó có 63 hồ chứa nước, 14 đập dâng, 03 trạm bơm điện, 02 hệ thống đê ngăn mặn, 01 hệ thống tiêu thoát nước, 01 hệ thống kè gia cố bờ sông, 01 công trình sử dụng nước sau hồ thủy điện Cần Đơn. Nhiệm vụ chính của các công trình là cung cấp nước tưới cho sản xuất nông nghiệp 28.997,88 ha (03 vụ/năm), tiêu thoát nước 5.709,59 ha, ngăn mặn 5.861 ha, cấp nước công nghiệp và sinh hoạt 58,56 triệu m³/năm (*Theo Kế hoạch sản xuất kinh doanh đã được phê duyệt năm 2025*), cụ thể:

- Cấp nước tưới cho sản xuất nông nghiệp: Tại 70 công trình (bao gồm: 53 hồ chứa, 12 đập dâng, 03 trạm bơm điện, 01 hệ thống đê ngăn mặn, 01 công trình sử dụng nước sau hồ thủy điện Cần Đơn).
- Tiêu thoát nước: Tại 03 công trình (bao gồm: 02 hồ chứa, 01 đập dâng).
- Ngăn mặn: Tại 02 công trình (đê bao ngăn mặn).
- Cung cấp nước cho công nghiệp và sinh hoạt: Tại 25 công trình (bao gồm: 22 hồ chứa, 02 đập dâng, 01 công trình sử dụng nước sau hồ thủy điện Cần Đơn).

(Chi tiết Phụ lục 01 đính kèm)

2. Tiềm năng khai thác tổng hợp của công trình thủy lợi

Với 63 hồ chứa hiện Công ty TNHH MTV Thủy lợi Đồng Nai đang quản lý, tổng dung tích các hồ chứa khoảng 182,57 triệu m³, diện tích mặt nước ứng với mực nước dâng bình thường (MNDBT) là 4.168,71 ha; diện tích đất vùng bán ngập và hạ lưu có thể khai thác để trồng cây lâu năm khoảng 480 ha. Trong

đó một số hồ chứa có diện tích mặt nước lớn, gồm: Đa Tôn (350 ha), Cầu Mới tuyến VI (274 ha), Sông Mỹ (269 ha), Gia Ui (245 ha), Cầu Mới tuyến V (177 ha), Gia Mỹ (130 ha), Cầu Dầu (106,9 ha), Núi Le (102 ha), Suối Vọng (75,9 ha), Lộc An (35,49 ha), hồ Suối Giai (400 ha), hồ Suối Cam 1 (55 ha), hồ Tân Lợi (107 ha), hồ NT6 (91,65 ha), hồ Lộc Quang (152 ha)...có tiềm năng rất lớn để khai thác tổng hợp, mở rộng phạm vi cung cấp dịch vụ nhằm phục vụ đa mục tiêu, phát huy năng lực phục vụ của các công trình.

a) Đánh giá khả năng mở rộng phạm vi khai thác, cung cấp dịch vụ của công trình thủy lợi

- Ngoài chức năng tích nước phục vụ sản xuất nông nghiệp, sinh hoạt, công nghiệp, phòng chống thiên tai, các hồ chứa thủy lợi còn rất giàu tiềm năng phục vụ phát triển kinh tế, xã hội, môi trường như điều hòa không khí khu vực, nuôi trồng thủy sản, đặc biệt là các ngành du lịch, dịch vụ vui chơi, nghỉ dưỡng. Các công trình đều có hệ thống đường giao thông liên xã, liên huyện kết nối, tạo lợi thế khai thác các dịch vụ đa chức năng, đa giá trị.

- Trong số 85 công trình thủy lợi Công ty TNHH MTV Thủy lợi Đồng Nai đang quản lý, vận hành khai thác: Có 61/63 hồ chứa (trừ hồ NT2- Đội 8 và hồ Suối Láp) và 1 đập dâng (đập Đồng Hiệp) có tiềm năng rất lớn trong việc khai thác nguồn nước, mặt nước, vùng phụ cận để phát triển nhiệm vụ đa mục tiêu của công trình thủy lợi (phát triển du lịch, dịch vụ, cảnh quan, nuôi trồng thủy sản...).

b) Về tiềm năng khai thác đối với 61 hồ chứa và đập dâng Đồng Hiệp

- Nuôi trồng thủy sản: Diện tích mặt nước có thể khai thác để nuôi trồng thủy sản khoảng 2.112ha, bao gồm tất cả 61 hồ chứa và đập dâng Đồng Hiệp đều có tiềm năng nuôi trồng thủy sản.

- Trồng cây lâu năm: Diện tích vùng bán ngập và hạ lưu có thể khai thác để trồng cây lâu năm khoảng 371ha. Trong đó, có khoảng 211ha thuộc các công trình: hồ Cầu Mới tuyến V, hồ Cầu Mới tuyến VI, hồ Gia Mỹ, hồ Gia Ui, hồ Suối Vọng, hồ Cầu Dầu, hồ Sông Mỹ, hồ Đa Tôn, hồ Lộc An, hồ Suối Tre và dự kiến khoảng 160ha thuộc các hồ chứa của Chi nhánh Bình Phước.

- Khai thác dịch vụ du lịch, giải trí: Diện tích ven hồ có thể phát triển dịch vụ, du lịch, giải trí khoảng 131 ha, bao gồm các công trình: hồ Bà Long, hồ Sông Mỹ, hồ Cầu Mới tuyến V, hồ Cầu Mới tuyến VI, hồ Lộc An, hồ Đa Tôn, hồ Gia Mỹ, hồ Gia Ui, hồ Núi Le, hồ Suối Vọng, hồ Suối Tre, hồ Cầu Dầu, hồ Suối Giai, hồ Suối Cam 1, hồ Tân Lợi, hồ Lộc Quang, hồ Rừng Cẩm, hồ Bù Nâu, hồ NT6, đập Đồng Hiệp. (*Chi tiết Phụ lục 02 đính kèm*).

Việc xây dựng kế hoạch khai thác tổng hợp công trình thủy lợi cho 61 hồ chứa và đập Đồng Hiệp do Công ty TNHH MTV Thủy lợi Đồng Nai đang quản lý, vận hành khai thác là rất cần thiết nhằm phát huy tối đa tiềm năng và năng lực của công trình thủy lợi hiện có, khai thác và sử dụng hiệu quả công trình thủy lợi theo hướng đa mục tiêu, đáp ứng nhu cầu sử dụng dịch vụ từ công trình thủy lợi, góp phần phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

3. Thời gian, nguồn kinh phí thực hiện

a) Thời gian

Từ năm 2025-2030 hoàn thành xây dựng phương án cụ thể khai thác tổng hợp, mở rộng phạm vi cung cấp dịch vụ đối với từng công trình (61 hồ chứa nước và đập Đồng Hiệp) do Công ty TNHH MTV Thủy lợi Đồng Nai quản lý, vận hành khai thác.

b) Nguồn kinh phí thực hiện

- Nguồn kinh phí xây dựng phương án cụ thể khai thác tổng hợp, mở rộng phạm vi cung cấp dịch vụ cho từng công trình, bố trí từ nguồn tài chính trong hoạt động quản lý, khai thác công trình thủy lợi theo quy định của pháp luật.

- Nguồn kinh phí để thực hiện dự án đầu tư mở rộng phạm vi cung cấp dịch vụ của công trình thủy lợi theo hướng đa mục tiêu, phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, sử dụng từ nguồn vốn xã hội hóa, vốn ngân sách và các nguồn vốn khác theo quy định của pháp luật.

IV. GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

1. Đối với các công trình thủy lợi

a) Rà soát, lập kế hoạch và bố trí nguồn vốn thực hiện sửa chữa, nâng cấp mở rộng các công trình có khả năng phát triển đa mục tiêu, phục vụ tưới tiêu, sản xuất nông nghiệp, phục vụ cấp nước cho sinh hoạt, công nghiệp, dịch vụ vui chơi giải trí, du lịch. Việc phân bổ vốn phải có trọng tâm, trọng điểm để thực hiện hiệu quả dự án.

b) Triển khai thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về quản lý an toàn đập, hồ chứa nước. Thường xuyên theo dõi đánh giá hiện trạng công trình trong quá trình vận hành, phát hiện kịp thời những hư hỏng để có biện pháp sửa chữa, khắc phục; bảo đảm nguồn kinh phí bảo trì, duy tu, sửa chữa thường xuyên công trình thủy lợi để bảo đảm vận hành an toàn phục vụ sản xuất, sinh hoạt.

c) Thường xuyên theo dõi đánh giá hiện trạng công trình trong quá trình vận hành, phát hiện kịp thời những hư hỏng để có biện pháp sửa chữa, khắc phục; chú trọng đầu tư, nâng cấp các công trình thủy lợi có biểu hiện xuống cấp sau thời gian dài hoạt động.

d) Đầu tư đẩy mạnh công tác chuyển đổi số trong công tác quản lý, vận hành; xây dựng và lắp đặt hệ thống giám sát tự động các hồ chứa nước (Giám sát mực nước hồ, mực nước tràn xả lũ, giám sát độ mở cống, mực nước kênh sau cống, lắp đặt trạm đo mưa, quan trắc thấm của đập đất,...).

đ) Thường xuyên đào tạo, tập huấn cho đội ngũ cán bộ, công nhân quản lý, vận hành khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi nhằm nâng cao năng lực đội ngũ làm công tác thủy lợi đảm bảo yêu cầu theo quy định.

e) Chú trọng cải tạo cảnh quan môi trường trong khu vực công trình gắn với phát triển du lịch sinh thái, phát huy được hết những lợi thế, tiềm năng mà công trình thủy lợi mang lại như: nuôi trồng thủy sản, trồng cây trong vùng bán

ngập; các dịch vụ du lịch lòng hồ, du lịch sinh thái, giải trí, nghỉ dưỡng,... nhằm nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững giúp tăng thu nhập, tạo việc làm; thu hút khách du lịch, góp phần nâng cao đời sống kinh tế ở địa phương.

g) Bổ sung nhiệm vụ, xây dựng phương án khai thác công trình thủy lợi phù hợp với tiềm năng từng công trình và phù hợp với thực tế phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, nhằm phát huy tối đa công năng của hồ chứa, phát triển đa mục tiêu và phù hợp với định hướng phát triển kinh tế, xã hội trên địa bàn tỉnh.

h) Bổ sung, điều chỉnh quy trình vận hành công trình bảo đảm gắn kết chặt chẽ nhiệm vụ cấp nước tưới, tiêu, sinh hoạt với việc mở rộng phạm vi cung cấp dịch vụ từ công trình thủy lợi.

2. Giải pháp bảo vệ nguồn nước

a) Tăng cường công tác quản lý, khai thác, sử dụng đất trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi; tăng cường kiểm tra, phát hiện, ngăn chặn tình trạng vi phạm công trình thủy lợi (lấn chiếm lòng hồ, các vùng bán ngập...); kiến nghị các cấp, ngành giải quyết; đồng thời phối hợp với các cấp chính quyền địa phương xử lý các vi phạm, hạn chế phát sinh các trường hợp vi phạm mới.

b) Quản lý chặt chẽ và kiểm soát việc cấp phép các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi và cấp phép xả nước thải vào công trình thủy lợi; yêu cầu bắt buộc phải có hệ thống xử lý chất thải tại nguồn đạt các quy chuẩn quốc gia liên quan.

c) Phối hợp thường xuyên, chặt chẽ với chính quyền địa phương để tuyên truyền nâng cao nhận thức cho người dân, huy động nhân dân ra quân tham gia quản lý, bảo vệ công trình, không xâm lấn đất công trình, sử dụng nước tưới tiết kiệm, không vứt rác thải sinh hoạt, xả nước thải vào trong công trình thủy lợi.

3. Giải pháp quản lý và sử dụng hiệu quả nguồn nước

a) Nghiên cứu các giải pháp để tăng cường khả năng tích trữ nước (xây dựng bổ sung hạng mục công trình, sửa chữa, nâng cấp) hoặc xây dựng các công trình điều chuyển nước trên các lưu vực để đảm bảo phù hợp với quy hoạch phát triển kinh tế xã hội và chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu ngày càng có nguy cơ gia tăng.

b) Tăng cường áp dụng các công nghệ tưới tiên tiến, tiết kiệm nước cho cây lúa và các loại cây trồng khác.

c) Xây dựng kế hoạch đầu tư phát triển hạ tầng thủy lợi có trọng tâm, trọng điểm theo hướng đồng bộ, hiện đại, áp dụng công nghệ mới. Đặc biệt, cần phát triển hệ thống công trình thủy lợi bảo đảm sự liên kết đồng bộ với hệ thống kết cấu hạ tầng của các ngành, lĩnh vực khác như giao thông, điện, du lịch,...

d) Có giải pháp quảng bá tiềm năng lòng hồ, mặt nước, thu hút có chọn lọc các dự án du lịch bền vững, không gây ô nhiễm môi trường, nhằm khai thác tối đa lợi thế về tiềm năng công trình thủy lợi, đảm bảo nguồn thu cho tổ chức quản lý khai thác công trình.

đ) Đào tạo, nâng cao năng lực cho cán bộ, nhân viên tham gia quản lý khai thác công trình thủy lợi, đáp ứng yêu cầu quản lý chuyên ngành.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Nông nghiệp và Môi trường

a) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan hướng dẫn Công ty TNHH MTV Thủy lợi Đồng Nai thực hiện Kế hoạch khai thác tổng hợp, mở rộng phạm vi cung cấp dịch vụ để phát huy năng lực công trình thủy lợi; theo dõi, đôn đốc các đơn vị trong quá trình tổ chức thực hiện; đề xuất xử lý các khó khăn, vướng mắc trong việc thực hiện kế hoạch để đảm bảo mục tiêu kế hoạch đề ra.

b) Chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành, địa phương tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét phê duyệt bổ sung nhiệm vụ của các công trình thủy lợi đáp ứng nhu cầu khai thác tổng hợp.

c) Hướng dẫn các tổ chức, cá nhân thực hiện thủ tục và tham mưu cơ quan có thẩm quyền việc cấp phép các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi theo quy định.

d) Hướng dẫn Công ty TNHH MTV Thủy lợi Đồng Nai, các cá nhân, tổ chức có nhu cầu đầu tư dịch vụ, khai thác tổng hợp về thủ tục thuê đất (vùng bán ngập, vùng phụ cận..), thuê mặt nước công trình thủy lợi.

đ) Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra ngăn chặn, xử lý các vi phạm trong phạm vi bảo vệ nguồn nước.

2. Sở Tài chính

a) Trên cơ sở đề nghị của Công ty TNHH MTV Thủy lợi Đồng Nai, Sở Tài chính tổng hợp, chủ trì, phối hợp các đơn vị liên quan, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh bố trí nguồn vốn đầu tư công từ ngân sách tỉnh theo quy định pháp luật về đầu tư công, để thực hiện dự án đầu tư sửa chữa, nâng cấp mở rộng các công trình thủy lợi có khả năng phát triển đa mục tiêu, mở rộng phạm vi cung cấp dịch vụ để phát huy tối đa năng lực công trình thủy lợi.

b) Trên cơ sở đề xuất của các đơn vị liên quan, Sở Tài chính tổng hợp, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành, cập nhật danh mục các dự án kêu gọi đầu tư trên địa bàn tỉnh theo quy định đối với các dự án liên quan đến khai thác tổng hợp công trình thủy lợi trên địa bàn, nhằm kêu gọi, thu hút các tổ chức, cá nhân đầu tư các dự án trên.

3. Sở Xây dựng

a) Phối hợp với các sở, ngành, địa phương rà soát, kiểm soát chặt chẽ việc thực hiện khai thác tổng hợp phù hợp với quy hoạch đô thị và nông thôn.

b) Hướng dẫn các cá nhân, tổ chức có nhu cầu đầu tư dịch vụ, khai thác tổng hợp về thủ tục xin phép xây dựng đối với các công trình xây dựng phục vụ cho việc kinh doanh, dịch vụ trong phạm vi công trình thủy lợi.

4. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch: Phối hợp với các sở, ngành liên quan

và địa phương đề rà soát, cập nhật và bổ sung quy hoạch du lịch cho các khu vực có công trình thủy lợi tiềm năng. Việc này đảm bảo các quy hoạch phù hợp với định hướng phát triển du lịch bền vững, đồng thời khai thác tối đa các giá trị cảnh quan và môi trường hiện hữu.

5. Công an tỉnh: Phối hợp với các sở ngành, Công ty TNHH MTV Thủy lợi Đồng Nai trong phát hiện ngăn chặn, xử lý các trường hợp vi phạm pháp luật trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi; các hành vi vi phạm pháp luật về đầu tư, khai thác, kinh doanh thuộc phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi ảnh hưởng đến an ninh, trật tự trong khu vực triển khai khai thác tổng hợp.

6. Công ty TNHH MTV Thủy lợi Đồng Nai

a) Căn cứ vào Kế hoạch khai thác tổng hợp, mở rộng phạm vi cung cấp dịch vụ để phát huy năng lực công trình thủy lợi được phê duyệt, xây dựng Phương án khai thác tổng hợp đối với từng công trình có tiềm năng khai thác tổng hợp; trong đó xác định rõ phương án khai thác tổng hợp phân đất, mặt nước, khu vực lòng hồ và vùng phụ cận lòng hồ,... đảm bảo phù hợp với quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của từng địa phương có công trình thủy lợi, nhằm phát huy tối đa công năng của hồ chứa, đồng thời đảm bảo nhiệm vụ cung ứng sản phẩm dịch vụ công ích thủy lợi.

b) Xây dựng và hoàn thiện hồ sơ quản lý của công trình đáp ứng theo Luật Thủy lợi năm 2017, Luật Tài nguyên nước và các quy định của pháp luật.

c) Thực hiện quản lý, vận hành công trình theo Quy trình vận hành được cấp thẩm quyền phê duyệt, đồng thời rà soát, điều chỉnh theo các nhiệm vụ khai thác tổng hợp, đảm bảo công trình an toàn phát huy hiệu quả. Quản lý công trình đảm bảo mỹ quan, an toàn, giữ gìn vệ sinh môi trường và an ninh trong phạm vi quản lý.

d) Lắp đặt cọc tiêu, các biển báo cấm lưu thông, cảnh báo nguy hiểm trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi nhằm đảm bảo an toàn hồ đập và người dân qua lại; lắp đặt biển báo cấm tải trọng, loại xe, tốc độ,... qua lại đường qua đập đảm bảo an toàn theo quy định.

đ) Khai thác sản phẩm dịch vụ thủy lợi khác nhưng phải đảm bảo không làm ảnh hưởng đến nhiệm vụ chính của công trình, khai thác các hoạt động dịch vụ không ảnh hưởng môi trường đảm bảo mỹ quan, cảnh quan chung khu vực lòng hồ và xung quanh. Trong đó đặc biệt lưu ý tuyệt đối không để ảnh hưởng đến môi trường, nguồn nước và thường xuyên kiểm tra, giám sát việc này.

e) Phối hợp với chính quyền các địa phương lập hồ sơ cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi, xác nhận đối tượng và diện tích tưới, cấp nước theo thực tế của công trình; đề xuất lập kế hoạch đầu tư đường vận hành xung quanh hồ; thực hiện tốt Quy chế phối hợp trong công tác phòng ngừa, xử lý vi phạm pháp luật về thủy lợi, phòng chống thiên tai.

g) Kiểm tra, giám sát các hoạt động nuôi trồng thủy sản, trồng cây, du lịch, giải trí...trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi phải đảm bảo không ảnh hưởng đến nhiệm vụ của công trình, không gây mất an toàn công trình, không ảnh hưởng đến môi trường, cảnh quan hồ và phải được cấp phép theo quy định

tại Luật Thủy lợi, Nghị định số 67/2018/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Thủy lợi; được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 40/NĐ-CP ngày 27 tháng 6 năm 2023.

h) Chủ động đề xuất, bố trí nguồn kinh phí để thực hiện xây dựng Phương án khai thác tổng hợp cho từng công trình từ các nguồn tài chính trong công tác quản lý, khai thác công trình thủy lợi theo quy định của pháp luật.

7. Ủy ban nhân dân các xã, phường

a) Phối hợp với Công ty TNHH MTV Thủy lợi Đồng Nai trong công tác lập phương án khai thác, quản lý lòng hồ, điều tiết nước tưới phục vụ sản xuất và sinh hoạt của nhân dân; lập hồ sơ sản phẩm, dịch vụ thủy lợi, xác nhận đối tượng và diện tích tưới, cấp nước theo thực tế của công trình; lập hồ sơ đầu tư đường vận hành xung quanh hồ; thực hiện tốt Quy chế phối hợp trong công tác phòng ngừa, xử lý vi phạm pháp luật về thủy lợi, phòng chống thiên tai.

b) Phối hợp với Công ty TNHH MTV Thủy lợi Đồng Nai trong việc xây dựng phương án cấm mốc giới xác định hành lang bảo vệ hồ chứa và phối hợp thực hiện việc cấm mốc giới trên thực địa sau khi phương án cấm mốc giới được phê duyệt.

c) Chủ động điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch đầu tư khai thác dịch vụ, phát triển kinh tế xung quanh hồ nhằm tận dụng lợi thế hồ và có sự đồng bộ với phương án khai thác vùng bán ngập để nâng cao giá trị mặt nước, lòng hồ và vùng phụ cận.

d) Phối hợp với các tổ chức, các hội, đoàn thể thực hiện tốt công tác vận động, tuyên truyền, nâng cao nhận thức của cộng đồng trong việc sử dụng nước tiết kiệm, hiệu quả và chung tay ngăn chặn vi phạm, bảo vệ công trình thủy lợi trên địa bàn.

8. Tổ chức, cá nhân có nhu cầu đầu tư khai thác tổng hợp

a) Thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về thủy lợi, xây dựng, bảo vệ môi trường, phạm vi bảo vệ hồ, bảo vệ nguồn nước trong quá trình đầu tư dự án phục vụ mục tiêu khai thác tổng hợp.

b) Xây dựng kế hoạch khai thác, sử dụng nước hàng năm trình phê duyệt trước khi thực hiện; áp dụng, ứng dụng khoa học công nghệ trong khai thác, sử dụng nước tiết kiệm, hiệu quả, giảm thất thoát nước; xử lý nước thải đạt tiêu chuẩn theo mục tiêu chất lượng nước trước khi xả vào nguồn nước.

9. Hiệu lực thi hành

Kế hoạch này có hiệu lực kể từ ngày ký, thay thế Kế hoạch số 380/KH-UBND ngày 11 tháng 12 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc khai thác tổng hợp, mở rộng phạm vi cung cấp dịch vụ để phát huy năng lực các công trình thủy lợi do Công ty TNHH MTV Khai thác công trình thủy lợi Đồng Nai quản lý vận hành khai thác.

Trên đây là Kế hoạch Khai thác tổng hợp, mở rộng phạm vi cung cấp dịch vụ để phát huy năng lực công trình thủy lợi do Công ty TNHH MTV Thủy lợi

Đồng Nai quản lý, vận hành khai thác; các cơ quan, đơn vị căn cứ tổ chức thực hiện./.

Nơi nhận:

- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch và các PCT. UBND tỉnh;
- Các Sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
- UBND các phường, xã;
- Công ty TNHH MTV Thủy lợi Đồng Nai;
- Chánh, PCVP. UBND tỉnh (KTN);
- Lưu: VT, KTN.

(Khoa/Khkhaitachop/21.01-1261)

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Thị Hoàng

Phụ lục 01
NĂNG LỰC PHỤC VỤ CỦA CÔNG TRÌNH HỒ CHỨA NƯỚC THỦY LỢI

STT	Tên công trình	Vị trí công trình	Năng lực phục vụ tối đa				Năng lực phục vụ thực tế (số liệu thực hiện năm 2024)				Ghi chú
			Tưới (ha)	Tiêu (ha)	Ngăn mặn (ha)	Cấp nước công nghiệp, sinh hoạt (m³/ngày)	Tưới (ha/vụ)	Tiêu (ha/năm)	Ngăn mặn (ha/năm)	Cấp nước công nghiệp, sinh hoạt (m³/ngày)	
I	Chi nhánh Biên Hòa		Năng lực phục vụ tối đa theo QĐ số 2417/QĐ-UBND ngày 6/8/2014								
1	Hồ Sông Máy	Xã Bình Minh, tỉnh Đồng Nai	1.100			658	787,30			1.600 (240.000 m³/năm, phục vụ từ tháng 12 năm trước đến tháng 4 năm sau)	
2	Đập Bến Xúc	Xã Tân An, tỉnh Đồng Nai						2.566,12			
3	Hồ Bà Long	Xã Hố Nai, tỉnh Đồng Nai	50				50				
4	Hồ Cầu Mới tuyến V	Xã Xuân Đường, tỉnh Đồng Nai	1.200				50			15.148 (5.528.973 m³/năm)	
5	Hồ Cầu Mới tuyến VI	xã Xuân Đường, xã Long Phước tỉnh Đồng Nai, xã Châu Đức, Tp Hồ Chí Minh				136.000	452			67.648 (24.691.533 m³/năm)	
6	Đập Suối Cả	Xã Long Phước, tỉnh Đồng Nai					220				

STT	Tên công trình	Vị trí công trình	Năng lực phục vụ tối đa				Năng lực phục vụ thực tế (số liệu thực hiện năm 2024)				Ghi chú
			Tưới (ha)	Tiêu (ha)	Ngăn mặn (ha)	Cấp nước công nghiệp, sinh hoạt (m ³ /ngày)	Tưới (ha/vụ)	Tiêu (ha/năm)	Ngăn mặn (ha/năm)	Cấp nước công nghiệp, sinh hoạt (m ³ /ngày)	
7	Hồ Lộc An	Xã Long Thành, tỉnh Đồng Nai	300	Cắt lù cho hạ lưu suối Ông Quế gồm xã Lộc An và một phần thị trấn Long Thành				317			
8	Đập Phước Thái	Xã Phước Thái, tỉnh Đồng Nai				18.000				18.613 (6.793.690 m ³ /năm) 5.940 (1.086.984 m ³ /năm, phục vụ từ tháng 12 năm trước đến tháng 5 năm sau)	
9	Đập Long An	Xã Long Thành,, tỉnh Đồng Nai	400			5.923	384,47				
10	Đê Bà Kỳ (Đê ngăn mặn Hiệp Phước - Long Thọ)	Xã Long Phước, xã Phước An, tỉnh Đồng Nai			662				585,20		
11	Hệ thống công trình thủy lợi Ông Kèo	Xã Đại Phước, xã Phước An, tỉnh Đồng Nai	4.609		5.338		1.805		5.275,96		
12	Suối Sân Mầu	Phường Trảng Dài, phường Tân Triều, phường Trần Biên, phường Tam Hiệp, tỉnh Đồng Nai		4.048							

STT	Tên công trình	Vị trí công trình	Năng lực phục vụ tối đa				Năng lực phục vụ thực tế (số liệu thực hiện năm 2024)				Ghi chú
			Tưới (ha)	Tiêu (ha)	Ngăn mặn (ha)	Cấp nước công nghiệp, sinh hoạt (m ³ /ngày)	Tưới (ha/vụ)	Tiêu (ha/năm)	Ngăn mặn (ha/năm)	Cấp nước công nghiệp, sinh hoạt (m ³ /ngày)	
13	Kè gia cố sông Đồng Nai	Phường Trần Biên, phường Tam Hiệp, tỉnh Đồng Nai									
II	Chi nhánh Xuân Lộc		Năng lực phục vụ tối đa theo QĐ số 2417/QĐ-UBND ngày 6/8/2014								
14	Hồ Đa Tôn	Xã Phú Lâm, tỉnh Đồng Nai	1.403				2.082,34			661 (241.178 m ³ /năm)	
	Suối Đa Tôn			2.200			2.227,61				
				(QĐ 3.100/QĐ-UBND ngày 26/9/2016)							
15	Đập Đồng Hiệp	Xã Phú Hòa, tỉnh Đồng Nai	1.622				2.642,36	598,86			
16	Đập Năm Sao	Xã Phú Lâm, tỉnh Đồng Nai	250				420,66				
17	Trạm bơm điện Tà Lài	Xã Tà Lài, tỉnh Đồng Nai	410				423,90				
18	Đập Cù Nhi 1	Xã Sông Ray, tỉnh Đồng Nai	436				426,50				
19	Đập Cù Nhi 2	Xã Sông Ray, tỉnh Đồng Nai									
20	Hồ Gia Uí	xã Xuân Hòa, tỉnh Đồng Nai	680			3.202	568,20			7.790 (2.843.522 m ³ /năm)	

STT	Tên công trình	Vị trí công trình	Năng lực phục vụ tới đa				Năng lực phục vụ thực tế (số liệu thực hiện năm 2024)				Ghi chú
			Tưới (ha)	Tiêu (ha)	Ngăn mặn (ha)	Cấp nước công nghiệp, sinh hoạt (m ³ /ngày)	Tưới (ha/vụ)	Tiêu (ha/năm)	Ngăn mặn (ha/năm)	Cấp nước công nghiệp, sinh hoạt (m ³ /ngày)	
21	Trạm bơm điện Xuân Tâm	Xã Xuân Hòa, tỉnh Đồng Nai					39,62				
22	Hồ Gia Măng	Xã Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai	590			3.288 (1.200.000 m ³ /năm theo QĐ 605/QĐ-UBND ngày 3/3/2020)	281,24			Chưa phục vụ	
23	Hồ Núi Le	Xã Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai	400			2.400				11.192	Tiếp nước bổ sung cho hồ Gia Uí vào tháng 3, tháng 4 hàng năm 1,38 triệu m ³
24	Hồ Suối Vọng	Xã Xuân Định, tỉnh Đồng Nai	300				300				
25	Đập Lang Minh	Xã Xuân Phú, tỉnh Đồng Nai	200				307,21				
26	Đập Suối Nước Trong	Xã Xuân Định, tỉnh Đồng Nai	385				153,57				
27	Hồ Cầu Dầu	Phường Hàng Gòn, tỉnh Đồng Nai	450			4.000 m ³ /ngày	355,13			Chưa phục vụ	
28	Hồ Suối Tre (1 và 2)	Phường Bình Lộc, tỉnh Đồng Nai	36			8.150 m ³ /ngày				Chưa phục vụ	
III	Chi nhánh Bình Phước		Năng lực phục vụ theo QĐ 989/QĐ-UBND ngày 8/5/2020								

STT	Tên công trình	Vị trí công trình	Năng lực phục vụ tối đa				Năng lực phục vụ thực tế (số liệu thực hiện năm 2024)				Ghi chú
			Tuổi (ha)	Tiêu (ha)	Ngăn mẫn (ha)	Cấp nước công nghiệp, sinh hoạt (m ³ /ngày)	Tuổi (ha/vụ)	Tiêu (ha/năm)	Ngăn mẫn (ha/năm)	Cấp nước công nghiệp, sinh hoạt (m ³ /ngày)	
29	Hồ Suối Giai	xã Đồng Phú	700			20.000	446			1.408	
30	Hồ Bà Mụ (Tân Lợi cũ)	Xã Đồng Phú	100			4.000				381 (sản lượng 207.561 m ³ phục vụ từ tháng 10/2023 đến tháng 12/2024)	
31	Hồ Đồng Xoài	Xã Thuận Lợi	200			32.000	110,16			27.767	
32	Hồ Suối Cam 1	Phường Bình Phước				6.000				103	
33	Hồ Suối Cam 2	Phường Bình Phước	50			2.400				59	
34	Hồ Tân Hòa	xã Tân Lợi	200			15.000	18,23			130	
35	Hồ Suối Bình	xã Đồng Tâm	200				34,44				
36	Hồ Tân Hưng	Xã Đồng Tâm	50			500					
37	Hồ Lộc Quang	Xã Lộc Quang	550				384,10				
38	Hồ Rừng Cẩm	Lộc Tấn	100			3.000				801	
39	Hồ Tà Thiết	Lộc Thành	100			500	53,70				
40	Hồ Lộc Thanh	Xã Lộc Thanh	100			15.000	221,80				
41	Hồ Tà Te	Xã Lộc Thành	100				57,70				
42	Hồ Bù Nâu	Xã Lộc Quang	115				78,40				
43	Hồ Suối Phên	Xã Lộc Hưng	150				81,60				
44	Hồ Bù Kal	Xã Tân Tiến	170				193,65				
45	Hồ Suối Nuy	Xã Lộc Thành	160				109,49				
46	Đ.đ Lộc Khánh	Xã Lộc Hưng	180				90,30				
47	Đ.đ Cần Lê	Xã Lộc Hưng	150				109,20				

STT	Tên công trình	Vị trí công trình	Năng lực phục vụ tối đa				Năng lực phục vụ thực tế (số liệu thực hiện năm 2024)				Ghi chú
			Tuổi (ha)	Tiêu (ha)	Ngăn mận (ha)	Cấp nước công nghiệp, sinh hoạt (m ³ /ngày)	Tuổi (ha/vụ)	Tiêu (ha/năm)	Ngăn mận (ha/năm)	Cấp nước công nghiệp, sinh hoạt (m ³ /ngày)	
48	D.d Tôn Lê Chàm	Xã Lộc Ninh	230				225,70				
49	Hồ M26	xã Phước Thiện	140				29,35				
50	Kênh Cản Đơn	xã Thiện Hưng	2.000			1.500	484,13			63	
51	Hồ Bù Tam	xã Hưng Phước	295 (lấy theo hồ sơ thiết kế do nhận bàn giao năm 2024)				89,35				
52	Hồ Ông Thoại	xã Nghĩa Trung	100			3.840	23,59			83	
53	Hồ Đaou2	xã Nghĩa Trung	129,5 (lấy theo hồ sơ thiết kế do nhận bàn giao năm 2024)				37,20				
54	Hồ Bra Măng	xã Bù Đăng	60				91,84				
55	Hồ Hưng Phú	xã Bù Đăng	100			2.000	74,99			451	
56	Hồ Bù Môn	xã Bù Đăng	100			2.000	52,50			598	
57	Hồ Sơn Hiệp	xã Thọ Sơn	50				22,21				
58	Hồ Thọ Sơn	xã Thọ Sơn	120			1.152	84,80				
59	Hồ Phú Sơn	xã Thọ Sơn	50			500	42				
60	Hồ Đa Bo	xã Thọ Sơn	100				31,39				

STT	Tên công trình	Vị trí công trình	Năng lực phục vụ tới đa				Năng lực phục vụ thực tế (số liệu thực hiện năm 2024)				Ghi chú
			Tưới (ha)	Tiêu (ha)	Ngăn mặn (ha)	Cấp nước công nghiệp, sinh hoạt (m ³ /ngày)	Tưới (ha/vụ)	Tiêu (ha/năm)	Ngăn mặn (ha/năm)	Cấp nước công nghiệp, sinh hoạt (m ³ /ngày)	
61	Hồ Sơn Lợi	xã Thọ Sơn	110				60,60			64	
62	Hồ Đa Bông Cua	xã Phước Sơn	40			100	2			11	
63	Hồ Đăk Liên	xã Đăk Nheu	200				276,95				
64	Trạm bơm Đăng Hà	xã Phước Sơn	120				70,26				
65	Hồ NT 6	xã Long Hà	100			2.000	19,80			787	
66	Hồ NT 9	xã Long Hà	100			6.000	14,33				
67	Hồ NT 10	xã Phú Riêng	70				36,69				
68	Hồ NT 4	xã Bình Tân	200			2.000	63,70				
69	Hồ Bù Ka	xã Bình Tân	60				22,10				
70	Hồ Bàu Thôn	xã Bình Tân	60				37,32				
71	Hồ Bàu Sen	xã Bình Tân	100				61,11				
72	Hồ NT 8	xã Bình Tân	100				14,30				
73	Hồ Đăk Tôn	P. Phước Bình	60				34,51				
74	Hồ Đới 7	xã Đa Kia	100				39,65				
75	Hồ Bình Hà	xã Đa Kia	100				92,91				
76	Hồ Bù Xia	xã Đăk O	40				18,73				
77	Hồ NT2 Đới 8	Xã Đa Kia									Đề xuất Thanh lý
78	Hồ Sa Cát	P. Bình Long	100			4.000	16,20			1.534	
79	Đ.đ Cần Lê	P. An Lộc	50								
80	Hồ An Khương	xã Tân Hưng	200			500	112,68			13	
81	Hồ Bàu Úm	xã Tân Khai	100			4.000	11,60			43	

STT	Tên công trình	Vị trí công trình	Năng lực phục vụ tối đa				Năng lực phục vụ thực tế (số liệu thực hiện năm 2024)				Ghi chú
			Tưới (ha)	Tiêu (ha)	Ngăn mẫn (ha)	Cấp nước công nghiệp, sinh hoạt (m ³ /ngày)	Tưới (ha/vụ)	Tiêu (ha/năm)	Ngăn mẫn (ha/năm)	Cấp nước công nghiệp, sinh hoạt (m ³ /ngày)	
82	Hồ Suối Ông	xã Tân Khai	30				4,70				
83	Hồ Ba Veng	xã Minh Đức	100			4.000	61,70				
84	Hồ Suối Lấp	xã Minh Đức	90				95,20				
85	Hồ Suối Lai	xã Tân Quan	100				81,03				

Phụ lục 02

HIỆN TRẠNG VÀ TIỀM NĂNG KHAI THÁC ĐA MỤC TIÊU CỦA HỒ CHỨA

1. Hồ Bà Long

- Vị trí: xã Hố Nai, tỉnh Đồng Nai.
- Hiện trạng và tiềm năng khai thác đa mục tiêu của hồ chứa:

TT	Nội dung	Đơn vị	Thiết kế	Hiện trạng	Tiềm năng
1	Dung tích hồ	10 ⁶ m ³			
-	Ứng với MNDBT		1,22	1,22	1,22
-	Ứng với MNDGC		1,43	1,43	1,43
	Diện tích mặt nước	ha			
-	Ứng với MNDBT		12	12	12
-	Ứng với MNDGC		13,92	13,92	13,92
2	Cấp nước tưới	ha/vụ	50 (QĐ 2417/QĐ-UBND ngày 6/8/2014)	50 (thực tế phục vụ năm 2024)	50
3	Cấp nước sinh hoạt	m ³ /ngđ			
4	Cấp nước công nghiệp	m ³ /ngđ			
5	Diện tích sử dụng đất cho công trình	ha			
-	Công trình đầu mối			18,26	18,26
-	Kênh mương			0,53	0,53
-	Nuôi trồng thủy sản trong lòng hồ				6
-	Trồng cây lâu năm, cây hàng năm (vùng bán ngập- dự kiến)				1,50
-	Dịch vụ				0,20

2. Hồ Sông Mây

- Vị trí: xã Bình Minh, tỉnh Đồng Nai

- Hiện trạng và tiềm năng khai thác đa mục tiêu của hồ chứa:

TT	Nội dung	Đơn vị	Thiết kế	Hiện trạng	Tiềm năng
1	Dung tích hồ	$10^6 m^3$			
-	Ứng với MNDBT		15	13,75	13,75
-	Ứng với MNDGC		17,22	17,22	17,22
	Diện tích mặt nước	ha			
-	Ứng với MNDBT			269	269
-	Ứng với MNDGC		302	302	302
2	Cấp nước tưới	Ha/vụ	1.100 (QĐ 2417/QĐ-UBND ngày 6/8/2014)	787,30 (thực hiện năm 2024)	1.100
3	Cấp nước sinh hoạt	$m^3/ngđ$	658 (QĐ 2417/QĐ-UBND ngày 6/8/2014)		5.000
4	Cấp nước công nghiệp	$m^3/ngđ$		2.000 (tưới cỏ)	2.000
5	Diện tích sử dụng đất cho công trình	ha			
-	Công trình đầu mối		352	269,01	352
-	Kênh mương		6,86	6,86	6,86
-	Nuôi trồng thủy sản trong lòng hồ				196,50
-	Trồng cây lâu năm, cây hàng năm (vùng bán ngập)				7

TT	Nội dung	Đơn vị	Thiết kế	Hiện trạng	Tiềm năng
-	Dịch vụ, du lịch (kinh doanh, câu cá...)				0,50

3. Hồ Cầu Mới tuyến V

- Vị trí: xã Xuân Đường, tỉnh Đồng Nai.

- Hiện trạng và tiềm năng khai thác đa mục tiêu của hồ chứa:

TT	Nội dung	Đơn vị	Thiết kế	Hiện trạng	Tiềm năng
1	Dung tích hồ	10 ⁶ m ³			
-	Ứng với MNDBT		9	9	9
-	Ứng với MNDGC		11,98	11,98	11,98
	Diện tích mặt nước	ha			
-	Ứng với MNDBT		177	177	177
-	Ứng với MNDGC		211,10	211,10	211,10
2	Cấp nước tưới	Ha/vụ	1.200 (cùng với hồ Cầu Mới tuyến VI và đập Suối Cả tại QĐ 2417/QĐ-UBND ngày 6/8/2014)	50 (Thực hiện năm 2024)	50
3	Cấp nước sinh hoạt	m ³ /ngđ			
4	Cấp nước công nghiệp	m ³ /ngđ	136.000 (cùng với hồ Cầu Mới tuyến VI và đập Suối Cả tại QĐ 2417/QĐ-UBND ngày 6/8/2014)	15.148 (Thực hiện năm 2024)	136.000
5	Diện tích sử dụng đất cho công trình	ha			
-	Công trình đầu mối		347,31	347,31	347,31

TT	Nội dung	Đơn vị	Thiết kế	Hiện trạng	Tiềm năng
-	Kênh mương		0,19	0,19	0,19
-	Nuôi trồng thủy sản trong lồng hồ				127
-	Trồng cây lâu năm, cây hàng năm (vùng bán ngập)				15
-	Dịch vụ, du lịch (kinh doanh, câu cá...)				1

4. Hồ Cầu Mới tuyến VI

- Vị trí: xã Xuân Đường, xã Long Phước, tỉnh Đồng Nai.

- Hiện trạng và tiềm năng khai thác đa mục tiêu của hồ chứa:

TT	Nội dung	Đơn vị	Thiết kế	Hiện trạng	Tiềm năng
1	Dung tích hồ	10 ⁶ m ³			
-	Ứng với MNDBT		21	21	21
-	Ứng với MNDGC		25,81	25,81	25,81
	Diện tích mặt nước	ha			
-	Ứng với MNDBT		274	274	274
-	Ứng với MNDGC		307,87	307,87	307,87
2	Cấp nước tưới	Ha	1.200 (cùng với hồ Cầu Mới tuyến V và đập Suối Cả tại QĐ 2417/QĐ-UBND ngày 6/8/2014)	452 (Thực hiện năm 2024)	
3	Cấp nước sinh hoạt	m ³ /ngđ		67.648 (Thực hiện năm 2024)	
4	Cấp nước công nghiệp	m ³ /ngđ	136.000 (cùng với hồ Cầu Mới tuyến VI và đập Suối Cả tại QĐ 2417/QĐ-UBND ngày 6/8/2014)		136.000

TT	Nội dung	Đơn vị	Thiết kế	Hiện trạng	Tiềm năng
8	Diện tích sử dụng đất cho công trình	ha			
-	Công trình đầu mối		346,27	349,27	346,27
-	Kênh mương		0,19	0,19	0,19
-	Nuôi trồng thủy sản trong lòng hồ				142
-	Trồng cây lâu năm, cây hàng năm (vùng bán ngập và hạ lưu)				15
-	Dịch vụ, du lịch (kinh doanh, câu cá, du lịch sinh thái...)				2

5. Hồ Lọc An

- Vị trí: xã Long Thành, tỉnh Đồng Nai.
- Hiện trạng và tiềm năng khai thác đa mục tiêu của hồ chứa:

TT	Nội dung	Đơn vị	Thiết kế	Hiện trạng	Tiềm năng
1	Dung tích hồ	$10^6 m^3$			
-	Ứng với MNDBT		0,636	0,636	0,636
-	Ứng với MNGDC		1,641	1,641	1,641
	Diện tích mặt nước	ha			
-	Ứng với MNDBT		35,49	35,49	35,49
-	Ứng với MNDGC		65,08	65,08	65,08
2	Cấp nước tưới	Ha	300 (QTVH)	317 (tiêu thoát lũ)	317 (tiêu thoát lũ)
3	Cấp nước sinh hoạt	$m^3/ngđ$			5.000

TT	Nội dung	Đơn vị	Thiết kế	Hiện trạng	Tiềm năng
4	Cấp nước công nghiệp	m ³ /ngđ			
5	Diện tích sử dụng đất cho công trình	ha			
-	Công trình đầu mối		68,81	68,81	68,81
-	Nuôi trồng thủy sản trong lồng hồ				35
-	Trồng cây lâu năm, cây hàng năm (vùng bán ngập)				10
-	Dịch vụ, du lịch (kinh doanh, câu cá...)				1

6. Hồ Đa Tôn

- Vị trí: xã Phú Lâm, tỉnh Đồng Nai.

- Hiện trạng và tiềm năng khai thác đa mục tiêu của hồ chứa:

TT	Nội dung	Đơn vị	Thiết kế	Hiện trạng	Tiềm năng
1	Dung tích hồ	10 ⁶ m ³			
-	Ứng với MNDBT		19,40	19,76	20,34
-	Ứng với MNDGC		20,55	23,82	24,40
	Diện tích mặt nước	ha			
-	Ứng với MNDBT			350	350
-	Ứng với MNDGC			392	392
2	Cấp nước tưới	Ha/vụ	1.403 tại QĐ 2417/QĐ-UBND ngày 6/8/2014	1.040 (Thực hiện năm 2024)	1.403

TT	Nội dung	Đơn vị	Thiết kế	Hiện trạng	Tiềm năng
3	Cấp nước sinh hoạt	m ³ /ngđ		661 (Thực hiện năm 2024)	10.000
4	Cấp nước công nghiệp	m ³ /ngđ			
5	Diện tích sử dụng đất cho công trình	ha			
-	Công trình đầu mối		413	334	413
-	Kênh mương		85,31	85,31	85,31
-	Nuôi trồng thủy sản trong lòng hồ				196
-	Trồng cây lâu năm, cây hàng năm (vùng bán ngập)				
-	Dịch vụ, du lịch (kinh doanh, câu cá, du lịch sinh thái...)				2

7. Hồ Gia Măng

- Vị trí: xã Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai.
- Hiện trạng và tiềm năng khai thác đa mục tiêu của hồ chứa:

TT	Nội dung	Đơn vị	Thiết kế	Hiện trạng	Tiềm năng
1	Dung tích hồ	10 ⁶ m ³			
-	Ứng với MNDBT		4,01	4,01	4,01
-	Ứng với MN lũ thiết kế		5,53	5,53	5,53
	Diện tích mặt nước	ha			
-	Ứng với MNDBT		130	130	130

TT	Nội dung	Đơn vị	Thiết kế	Hiện trạng	Tiềm năng
-	Ứng với MNDGC		160	160	160
2	Cấp nước tưới	Ha/vụ	590	281,24	590
3	Cấp nước sinh hoạt	m ³ /ngđ	3.288 (QĐ 605/QĐ-UBND ngày 3/3/2020)	Chưa phục vụ	4.000
4	Cấp nước công nghiệp	m ³ /ngđ			
5	Diện tích sử dụng đất cho công trình	ha			
-	Công trình đầu mối		177,94	177,94	177,94
-	Kênh mương		4,25	4,25	4,25
-	Nuôi trồng thủy sản trong lồng hồ				85,50
-	Trồng cây lâu năm, cây hàng năm (vùng bán ngập)				15
-	Dịch vụ, du lịch (kinh doanh, câu cá...)				0,50

8. Hồ Gia Uí

- Vị trí: xã Xuân Hòa, tỉnh Đồng Nai.
- Hiện trạng và tiềm năng khai thác đa mục tiêu của hồ chứa:

TT	Nội dung	Đơn vị	Thiết kế	Hiện trạng	Tiềm năng
1	Dung tích hồ	10 ⁶ m ³			
-	Ứng với MNDBT		10,80	11,27	11,27
-	Ứng với MNDGC			16,31	16,31

TT	Nội dung	Đơn vị	Thiết kế	Hiện trạng	Tiềm năng
	Diện tích mặt nước	ha			
-	Ứng với MNDBT			245	245
-	Ứng với MNDGC			345	345
2	Cấp nước tưới	Ha/vụ	680 (cùng TB. Xuân Tâm tại QĐ 2417/QĐ-UBND ngày 6/8/2014)	568,20	595
3	Cấp nước sinh hoạt	m ³ /ngđ	3.202	7.790 (Thực hiện năm 2024)	10.000
4	Cấp nước công nghiệp	m ³ /ngđ			
5	Diện tích sử dụng đất cho công trình	ha			
-	Công trình đầu mối		443,14	290,25	443,14
-	Kênh mương		14,16	14,16	14,16
-	Nuôi trồng thủy sản trong lòng hồ				113
-	Trồng cây lâu năm, cây hàng năm (vùng bán ngập)				20
-	Dịch vụ, du lịch (kinh doanh, câu cá...)				1

9. Hồ Núi Le

- Vị trí: xã Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai.
- Hiện trạng và tiềm năng khai thác đa mục tiêu của hồ chứa:

TT	Nội dung	Đơn vị	Thiết kế	Hiện trạng	Tiềm năng
1	Dung tích hồ	10 ⁶ m ³			

TT	Nội dung	Đơn vị	Thiết kế	Hiện trạng	Tiềm năng
-	Ứng với MNDBT		3,50	3,54	3,54
-	Ứng với MNDGC		4,18	4,78	4,78
	Diện tích mặt nước	ha			
-	Ứng với MNDBT			102	102
-	Ứng với MNDGC			123,13	123,13
2	Cấp nước tưới	Ha/vụ	400 (QĐ 2417/QĐ-UBND ngày 6/8/2014)	0	0
3	Cấp nước sinh hoạt	m ³ /ngđ	2.400 (QĐ 2417/QĐ-UBND ngày 6/8/2014)	11.192 (Thực hiện năm 2024)	12.000
4	Cấp nước công nghiệp	m ³ /ngđ			
5	Diện tích sử dụng đất cho công trình	ha			
-	Công trình đầu mối		112	99,78	99,78
-	Kênh mương				
-	Nuôi trồng thủy sản trong lòng hồ				75
-	Trồng cây lâu năm, cây hàng năm (vùng bán ngập)				10
-	Dịch vụ, du lịch (kinh doanh, câu cá...)				0,50

10. Hồ Suối Vọng

- Vị trí: xã Xuân Định, tỉnh Đồng Nai.
- Hiện trạng và tiềm năng khai thác đa mục tiêu của hồ chứa:

TT	Nội dung	Đơn vị	Thiết kế	Hiện trạng	Tiềm năng
1	Dung tích hồ	10 ⁶ m ³			
-	Ứng với MNDBT		4,35	4,35	4,35
-	Ứng với MNDGC		4,85	4,85	4,85
	Diện tích mặt nước	ha			
-	Ứng với MNDBT		75,9	75,9	75,9
-	Ứng với MNDGC		83,33	83,33	83,33
2	Cấp nước tưới	Ha/vụ	300	300 (thực hiện năm 2024)	300
3	Cấp nước sinh hoạt	m ³ /ngđ			
4	Cấp nước công nghiệp	m ³ /ngđ			
5	Diện tích sử dụng đất cho công trình	ha			
-	Công trình đầu mối		75,93	75,93	75,93
-	Kênh mương				
-	Nuôi trồng thủy sản trong lòng hồ				32
-	Trồng cây lâu năm, cây hàng năm (vùng bán ngập)				3,0
-	Dịch vụ, du lịch (kinh doanh, câu cá...)				0,5

11. Hồ Suối Tre (hồ 1 + hồ 2)

- Vị trí: phường Bình Lộc, tỉnh Đồng Nai.
- Hiện trạng và tiềm năng khai thác đa mục tiêu của hồ chứa:

TT	Nội dung	Đơn vị	Thiết kế	Hiện trạng	Tiềm năng
1	Dung tích hồ	10^6 m^3			
a	Hồ Suối tre cũ				
-	Ứng với MNDBT		0,635	0,635	0,635
-	Ứng với MNDGC		0,80	0,80	0,80
	Diện tích mặt nước				
-	Ứng với MNDBT		11	11	11
-	Ứng với MNDGC		20	20	20
b	Hồ Suối tre mới				
-	Ứng với MNDBT		1,781	1,781	1,781
-	Ứng với MNDGC		2,237	2,237	2,237
	Diện tích mặt nước	ha			
-	Ứng với MNDBT		28,10	28,10	28,10
-	Ứng với MNDGC		32,61	32,61	32,61
2	Diện tích tưới	(ha/vụ)	36		36
3	Cấp nước sinh hoạt	$\text{m}^3/\text{ngđ}$	8.150	Chưa phục vụ	8.150
4	Cấp nước công nghiệp	$\text{m}^3/\text{ngđ}$			
5	Diện tích sử dụng đất cho công trình	ha			
-	Công trình đầu mối		46,52		46,52
-	Kênh mương				
-	Nuôi trồng thủy sản trong lòng hồ				10
-	Trồng cây lâu năm, cây hàng năm (vùng bán ngập, hạ lưu)				8,50
-	Dịch vụ, du lịch (kinh doanh, câu cá...)				0,20

12. Hồ Cầu Dầu

- Vị trí: Phường Hàng Gòn, tỉnh Đồng Nai.

- Hiện trạng và tiềm năng khai thác đa mục tiêu của hồ chứa:

TT	Nội dung	Đơn vị	Thiết kế	Hiện trạng	Tiềm năng
1	Dung tích	10^6 m^3			
-	Ứng với MNDBT		3,759	3,759	3,759
-	Ứng với MNLTK		5,209	5,209	5,209
	Diện tích mặt nước	ha			
-	Ứng với MNDBT		106,90	106,90	106,90
-	Ứng với MNLTK		121,49	121,49	121,49
2	Cấp nước tưới	Ha/vụ	450	355,13	450
3	Cấp nước sinh hoạt	$\text{m}^3/\text{ngđ}$	4.000		4.000
4	Cấp nước công nghiệp	$\text{m}^3/\text{ngđ}$			
5	Diện tích sử dụng đất cho công trình	ha			
-	Công trình đầu mối		144,65		144,65
-	Kênh mương				
-	Nuôi trồng thủy sản trong lòng hồ				30
-	Trồng cây lâu năm, cây hàng năm (vùng bán ngập)				6
-	Dịch vụ, du lịch (kinh doanh, câu cá...)				1

13. Hồ Suối Giai

- Vị trí xây dựng: Xã Đồng Phú, tỉnh Đồng Nai.

- Hiện Trạng và tiềm năng Khai thác đa mục tiêu của hồ chứa:

TT	Nội dung	Đơn vị	Thiết kế (điều chỉnh theo Quyết định 989/QĐ-UBND)	Hiện trạng	Tiềm năng
1	Dung tích hồ	10 ⁶ m ³			
-	Ứng với MNDBT		12,8	12,8	12,8
-	Ứng với MNGDC		21,3	21,3	21,3
	Diện tích mặt nước	ha			
-	Ứng với MNDBT		420	420	420
-	Ứng với MNDGC		470	470	470
2	Cấp nước tưới	Ha	700	446	700
3	Cấp nước sinh hoạt,	m ³ /ngđ	20.000	1.408	50.000
4	Cấp nước công nghiệp				
5	Diện tích sử dụng đất cho công trình	ha			
-	Công trình đầu mối			404,8	404,8
-	Kênh mương			0,50	
-	Nuôi trồng thủy sản trong lòng hồ				350
-	Trồng cây lâu năm, cây hàng năm (vùng bán ngập - dự kiến)				
-	Dịch vụ, du lịch (kinh doanh, câu cá)				5

14. Hồ Đồng Xoài

- Vị trí xây dựng: xã Thuận Lợi, tỉnh Đồng Nai.

- Hiện Trạng và tiềm năng khai thác đa mục tiêu của hồ chứa:

TT	Nội dung	Đơn vị	Thiết kế (điều chỉnh theo Quyết định 989/QĐ-UBND)	Hiện trạng	Tiềm năng
1	Dung tích hồ	10 ⁶ m ³			
-	Ứng với MNDBT		9,66	9,66	9,66
-	Ứng với MNGDC				
	Diện tích mặt nước	ha			
-	Ứng với MNDBT		330	330	330
-	Ứng với MNDDC		395	395	395
2	Cấp nước tưới	Ha	200	110,16	200
3	Cấp nước sinh hoạt,	m ³ /ngđ	32.000	27.767	38.000
4	Cấp nước công nghiệp				
5	Diện tích sử dụng đất cho công trình	ha			
-	Công trình đầu mối		424,69	424,69	424,69
-	Kênh mương			3,32	
-	Nuôi trồng thủy sản trong lòng hồ				300
-	Trồng cây lâu năm, cây hàng năm (vùng bán ngập - dự kiến)				2
-	Dịch vụ, du lịch (kinh doanh, câu cá)				1

15. Hồ Suối Cam 1

- Vị trí xây dựng: phường Bình Phước, tỉnh Đồng Nai.
- Hiện Trạng và tiềm năng khai thác đa mục tiêu của hồ chứa:

TT	Nội dung	Đơn vị	Thiết kế (điều chỉnh theo Quyết định 989/QĐ-UBND)	Hiện trạng	Tiềm năng
1	Dung tích hồ	10 ⁶ m ³			
-	Ứng với MNDBT		1,767	1,767	1,767
-	Ứng với MNGDC		2,207	2,207	2,207
	Diện tích mặt nước	ha			
-	Ứng với MNDBT		55	55	55
-	Ứng với MNDGC				
2	Cấp nước tưới	Ha			
3	Cấp nước sinh hoạt,	m ³ /ng.đ	6.000	103	6.000
4	Cấp nước công nghiệp				
5	Diện tích sử dụng đất cho công trình	ha			
-	Công trình đầu mối		79,20	79,20	79,20
-	Kênh mương				
-	Nuôi trồng thủy sản trong lòng hồ				50
-	Trồng cây lâu năm, cây hàng năm (vùng bán ngập - dự kiến)				
-	Dịch vụ, du lịch (kinh doanh, câu cá)				3

16. Hồ Tân Lợi

- Vị trí xây dựng: xã Đồng Phú, tỉnh Đồng Nai.
- Hiện Trạng và tiềm năng khai thác đa mục tiêu của hồ chứa:

TT	Nội dung	Đơn vị	Thiết kế (điều chỉnh theo Quyết định 989/QĐ- UBND)	Hiện trạng	Tiềm năng
1	Dung tích hồ	10 ⁶ m ³			
-	Ứng với MNDBT		2,87	2,87	2,87
-	Ứng với MNGDC				
	Diện tích mặt nước	ha			
-	Ứng với MNDBT		107	107	107
-	Ứng với MNDGC				
2	Cấp nước tưới	Ha	100		100
3	Cấp nước sinh hoạt,	m ³ /ng.đ	4.000	381	4.000
4	Cấp nước công nghiệp				
5	Diện tích sử dụng đất cho công trình	ha			
-	Công trình đầu mối		115,627	115,627	115,627
-	Kênh mương				
-	Nuôi trồng thủy sản trong lòng hồ				80
-	Trồng cây lâu năm, cây hàng năm (vùng bán ngập - dự kiến)				
-	Dịch vụ, du lịch (kinh doanh, câu cá)				0,50

17. Hồ Tân Hòa

- Vị trí xây dựng: xã Tân Lợi, tỉnh Đồng Nai.

- Hiện Trạng và tiềm năng khai thác đa mục tiêu của hồ chứa:

TT	Nội dung	Đơn vị	Thiết kế (điều chỉnh theo Quyết định 989/QĐ- UBND)	Hiện trạng	Tiềm năng
1	Dung tích hồ	$10^6 m^3$			
-	Ứng với MNDBT		2,36	2,36	2,36
-	Ứng với MNGDC				
	Diện tích mặt nước	ha			
-	Ứng với MNDBT			56,55	56,55
-	Ứng với MNDGC				
2	Cấp nước tưới	Ha	200	18,23	200
3	Cấp nước sinh hoạt,	$m^3/ng.đ$	15.000		15.000
4	Cấp nước công nghiệp				
5	Diện tích sử dụng đất cho công trình	ha			
-	Công trình đầu mối		110,84	110,84	110,84
-	Kênh mương				
-	Nuôi trồng thủy sản trong lòng hồ				50
-	Trồng cây lâu năm, cây hàng năm (vùng bán ngập - dự kiến)				
-	Dịch vụ, du lịch (kinh doanh, câu cá)				

18. Hồ Suối Bình

- Vị trí xây dựng: xã Đồng Tâm, tỉnh Đồng Nai.

- Hiện trạng và tiềm năng khai thác đa mục tiêu của hồ chứa:

TT	Nội dung	Đơn vị	Thiết kế (điều chỉnh theo Quyết định 989/QĐ- UBND)	Hiện trạng	Tiềm năng
1	Dung tích hồ	$10^6 m^3$			
-	Ứng với MNDBT		1,51	1,51	1,51
-	Ứng với MNGDC				
	Diện tích mặt nước	ha			
-	Ứng với MNDBT		41,32	41,32	41,32
-	Ứng với MNDGC		48,15	48,15	48,15
2	Cấp nước tưới	Ha	200	34,44	200
3	Cấp nước sinh hoạt,	$m^3/ng.đ$			
4	Cấp nước công nghiệp				
5	Diện tích sử dụng đất cho công trình	ha			
-	Công trình đầu mối		52,231	52,231	52,231
-	Kênh mương			0,64	
-	Nuôi trồng thủy sản trong lòng hồ				35
-	Trồng cây lâu năm, cây hàng năm (vùng bán ngập - dự kiến)				
-	Dịch vụ, du lịch (kinh doanh, câu cá)				

19. Hồ Suối Cam II

- Vị trí xây dựng: Phường Bình Phước, tỉnh Đồng Nai.
- Hiện Trạng và tiềm năng khai thác đa mục tiêu của hồ chứa:

TT	Nội dung	Đơn vị	Thiết kế (điều chỉnh theo Quyết định 989/QĐ- UBND)	Hiện trạng	Tiềm năng
1	Dung tích hồ	$10^6 m^3$			
-	Ứng với MNDBT		0,336	0,336	0,336
-	Ứng với MNGDC				
	Diện tích mặt nước	ha			
-	Ứng với MNDBT		18,84	18,84	18,84
-	Ứng với MNDGC		31,06	31,06	31,06
2	Cấp nước tưới	Ha	50		50
3	Cấp nước sinh hoạt,	$m^3/ng.đ$	2.400	59	2.400
4	Cấp nước công nghiệp				
5	Diện tích sử dụng đất cho công trình	ha			
-	Công trình đầu mối			35,42	
-	Kênh mương				
-	Nuôi trồng thủy sản trong lòng hồ				15
-	Trồng cây lâu năm, cây hàng năm (vùng bán ngập - dự kiến)				
-	Dịch vụ, du lịch (kinh doanh, câu cá)				2

20. Hồ Tân Hưng

- Vị trí xây dựng: xã Tân Lợi, tỉnh Đồng Nai.
- Hiện trạng và tiềm năng khai thác đa mục tiêu của hồ chứa:

TT	Nội dung	Đơn vị	Thiết kế (điều chỉnh theo Quyết định 989/QĐ- UBND)	Hiện trạng	Tiềm năng
1	Dung tích hồ	$10^6 m^3$			
-	Ứng với MNDBT		0,965	0,965	0,965
-	Ứng với MNGDC				
	Diện tích mặt nước	ha			
-	Ứng với MNDBT		14,23	14,23	14,23
-	Ứng với MNDGC				
2	Cấp nước tưới	Ha	50		50
3	Cấp nước sinh hoạt,	$m^3/ng.đ$	500		500
4	Cấp nước công nghiệp				
5	Diện tích sử dụng đất cho công trình	ha			
-	Công trình đầu mối		21,486	21,486	21,486
-	Kênh mương				
-	Nuôi trồng thủy sản trong lòng hồ				10
-	Trồng cây lâu năm, cây hàng năm (vùng bán ngập - dự kiến)				
-	Dịch vụ, du lịch (kinh doanh, câu cá)				

21. Hồ Lọc Quang

- Vị trí xây dựng: xã Lọc Quang, tỉnh Đồng Nai.

- Hiện Trạng và tiềm năng khai thác đa mục tiêu của hồ chứa:

TT	Nội dung	Đơn vị	Thiết kế (điều chỉnh theo Quyết định 989/QĐ- UBND)	Hiện trạng	Tiềm năng
1	Dung tích hồ	$10^6 m^3$			
-	Ứng với MNDBT		5,826	5,826	5,826
-	Ứng với MNGDC				
	Diện tích mặt nước	ha			
-	Ứng với MNDBT		152	152	152
-	Ứng với MNDGC		167	167	167
2	Cấp nước tưới	Ha	550	384,10	550
3	Cấp nước sinh hoạt,	$m^3/ng.đ$			
4	Cấp nước công nghiệp				10.000
5	Diện tích sử dụng đất cho công trình	ha			
-	Công trình đầu mối		205,68	205,68	205,68
-	Kênh mương			0,97	0,97
-	Nuôi trồng thủy sản trong lòng hồ				101
-	Trồng cây lâu năm, cây hàng năm (vùng bán ngập - dự kiến)				

-	Dịch vụ, du lịch (kinh doanh, câu cá)				0,50
---	---------------------------------------	--	--	--	------

22. Hồ Rừng Cẩm

- Vị trí xây dựng: xã Lộc Tấn, tỉnh Đồng Nai.

- Hiện Trạng và tiềm năng khai thác đa mục tiêu của hồ chứa:

TT	Nội dung	Đơn vị	Thiết kế (điều chỉnh theo Quyết định 989/QĐ- UBND)	Hiện trạng	Tiềm năng
1	Dung tích hồ	$10^6 m^3$			
-	Ứng với MNDBT		2,068	2,068	2,068
-	Ứng với MNGDC		2,863	2,863	2,863
	Diện tích mặt nước	ha			
-	Ứng với MNDBT		44	44	44
-	Ứng với MNDGC		52	52	52
2	Cấp nước tưới	Ha	100		80
3	Cấp nước sinh hoạt,	$m^3/ng.đ$	3.000	801	5.000
4	Cấp nước công nghiệp				
5	Diện tích sử dụng đất cho công trình	ha	49,586	49,586	49,586
-	Công trình đầu mối				
-	Kênh mương				
-	Nuôi trồng thủy sản trong lòng hồ				35

TT	Nội dung	Đơn vị	Thiết kế (điều chỉnh theo Quyết định 989/QĐ- UBND)	Hiện trạng	Tiềm năng
-	Trồng cây lâu năm, cây hàng năm (vùng bán ngập - dự kiến)				
-	Dịch vụ, du lịch (kinh doanh, câu cá)				0,20

23. Hồ Tà Thiết

- Vị trí xây dựng: xã Lộc Thành, tỉnh Đồng Nai.
- Hiện Trạng và tiềm năng khai thác đa mục tiêu của hồ chứa:

TT	Nội dung	Đơn vị	Thiết kế (điều chỉnh theo Quyết định 989/QĐ- UBND)	Hiện trạng	Tiềm năng
1	Dung tích hồ	$10^6 m^3$			
-	Ứng với MNDBT		1,15	1,15	1,15
-	Ứng với MNGDC				
	Diện tích mặt nước	ha			
-	Ứng với MNDBT		51	51	51
-	Ứng với MNDGC				
2	Cấp nước tưới	Ha	100	53,7	100
3	Cấp nước sinh hoạt,	$m^3/ng.đ$	500		500

TT	Nội dung	Đơn vị	Thiết kế (điều chỉnh theo Quyết định 989/QĐ- UBND)	Hiện trạng	Tiềm năng
4	Cấp nước công nghiệp				
5	Diện tích sử dụng đất cho công trình	ha			
-	Công trình đầu mối		65,70	65,70	65,70
-	Kênh mương			0,503	0,503
-	Nuôi trồng thủy sản trong lồng hồ				40
-	Trồng cây lâu năm, cây hàng năm (vùng bán ngập - dự kiến)				
-	Dịch vụ, du lịch (kinh doanh, câu cá)				

24. Hồ Lọc Thạnh

- Vị trí xây dựng: xã Lọc Thạnh, tỉnh Đồng Nai.
- Hiện Trạng và tiềm năng khai thác đa mục tiêu của hồ chứa:

TT	Nội dung	Đơn vị	Thiết kế (điều chỉnh theo Quyết định 989/QĐ- UBND)	Hiện trạng	Tiềm năng
1	Dung tích hồ	10 ⁶ m ³			
-	Ứng với MNDBT		2,957	2,957	2,957
-	Ứng với MINGDC				

TT	Nội dung	Đơn vị	Thiết kế (điều chỉnh theo Quyết định 989/QĐ- UBND)	Hiện trạng	Tiềm năng
	Diện tích mặt nước	ha			
-	Ứng với MNDBT		50,09	50,09	50,09
-	Ứng với MNDGC				
2	Cấp nước tưới	Ha	100	221,8	250
3	Cấp nước sinh hoạt,	m ³ /ng.đ	15.000		15.000
4	Cấp nước công nghiệp				
5	Diện tích sử dụng đất cho công trình	ha			
-	Công trình đầu mối		65,93	65,93	65,93
-	Kênh mương				
-	Nuôi trồng thủy sản trong lòng hồ				40
-	Trồng cây lâu năm, cây hàng năm (vùng bán ngập - dự kiến)				
-	Dịch vụ, du lịch (kinh doanh, câu cá)				

25. Hồ Tà Te

- Vị trí xây dựng: xã Lộc Thành, tỉnh Đồng Nai.
- Hiện Trạng và tiềm năng khai thác đa mục tiêu của hồ chứa:

TT	Nội dung	Đơn vị	Thiết kế (điều chỉnh theo Quyết định 989/QĐ- UBND)	Hiện trạng	Tiềm năng
1	Dung tích hồ	$10^6 m^3$			
-	Ứng với MNDBT		0,756	0,756	0,756
-	Ứng với MNGDC				
	Diện tích mặt nước	ha			
-	Ứng với MNDBT		10,9	10,9	10,9
-	Ứng với MNDGC		12,64	12,64	12,64
2	Cấp nước tưới	Ha	100	57,7	100
3	Cấp nước sinh hoạt,	$m^3/ng.đ$			
4	Cấp nước công nghiệp				
5	Diện tích sử dụng đất cho công trình	ha			
-	Công trình đầu mối			32,93	32,93
-	Kênh mương				
-	Nuôi trồng thủy sản trong lòng hồ				5
-	Trồng cây lâu năm, cây hàng năm (vùng bán ngập - dự kiến)				
-	Dịch vụ, du lịch (kinh doanh, câu cá)				

26. Hồ Bù Nâu

- Vị trí xây dựng: xã Lộc Ninh, tỉnh Đồng Nai.

- Hiện Trạng và tiềm năng khai thác đa mục tiêu của hồ chứa:

TT	Nội dung	Đơn vị	Thiết kế (điều chỉnh theo Quyết định 989/QĐ-UBND)	Hiện trạng	Tiềm năng
1	Dung tích hồ	10 ⁶ m ³			
-	Ứng với MNDBT		0,614	0,614	0,614
-	Ứng với MNGDC				
	Diện tích mặt nước	ha			
-	Ứng với MNDBT		21	21	21
-	Ứng với MNDGC				
2	Cấp nước tưới	Ha	115	78,4	115
3	Cấp nước sinh hoạt,	m ³ /ng.đ			
4	Cấp nước công nghiệp				
5	Diện tích sử dụng đất cho công trình	ha			
-	Công trình đầu mối			57,36	57,36
-	Kênh mương			0,21	
-	Nuôi trồng thủy sản trong lòng hồ				20
-	Trồng cây lâu năm, cây hàng năm (vùng bán ngập - dự kiến)				
-	Dịch vụ, du lịch (kinh doanh, câu cá)				0,20

27. Hồ Suối Phèn

- Vị trí xây dựng: xã Lộc Hưng, tỉnh Đồng Nai.

- Hiện Trạng và tiềm năng khai thác đa mục tiêu của hồ chứa:

TT	Nội dung	Đơn vị	Thiết kế (điều chỉnh theo Quyết định 989/QĐ-UBND)	Hiện trạng	Tiềm năng
1	Dung tích hồ	10 ⁶ m ³			
-	Ứng với MNDBT		0,215	0,215	0,215
-	Ứng với MNGDC		0,315	0,315	0,315
	Diện tích mặt nước	ha			
-	Ứng với MNDBT		13,25	13,25	13,25
-	Ứng với MNDGC				
2	Cấp nước tưới	Ha	150	81,6	150
3	Cấp nước sinh hoạt,	m ³ /ng.đ			
4	Cấp nước công nghiệp				
5	Diện tích sử dụng đất cho công trình	ha			
-	Công trình đầu mối		22,05	22,05	22,05
-	Kênh mương				
-	Nuôi trồng thủy sản trong lòng hồ				10
-	Trồng cây lâu năm, cây hàng năm (vùng bán ngập - dự kiến)				
-	Dịch vụ, du lịch (kinh doanh, câu cá)				

28. Hồ Bù Kal

- Vị trí xây dựng: xã Tân Tiến, tỉnh Đồng Nai.
- Hiện Trạng và tiềm năng khai thác đa mục tiêu của hồ chứa:

TT	Nội dung	Đơn vị	Thiết kế (điều chỉnh theo Quyết định 989/QĐ-UBND)	Hiện trạng	Tiềm năng
1	Dung tích hồ	10 ⁶ m ³			
-	Ứng với MNDBT		0,616	0,616	0,616
-	Ứng với MNGDC				
	Diện tích mặt nước	ha			
-	Ứng với MNDBT		20,5	20,5	20,5
-	Ứng với MNDGC				
2	Cấp nước tưới	Ha	170	193,65	200
3	Cấp nước sinh hoạt,	m ³ /ng.đ			
4	Cấp nước công nghiệp				
5	Diện tích sử dụng đất cho công trình	ha			
-	Công trình đầu mối		33,33	33,33	33,33
-	Kênh mương				
-	Nuôi trồng thủy sản trong lòng hồ				15
-	Trồng cây lâu năm, cây hàng năm (vùng bán ngập - dự kiến)				
-	Dịch vụ, du lịch (kinh doanh, câu cá)				

29. Hồ Suối Nuy

- Vị trí xây dựng: xã Lộc Thanh, tỉnh Đồng Nai.
- Hiện Trạng và tiềm năng khai thác đa mục tiêu của hồ chứa:

TT	Nội dung	Đơn vị	Thiết kế (điều chỉnh theo Quyết định 989/QĐ-UBND)	Hiện trạng	Tiềm năng
1	Dung tích hồ	10 ⁶ m ³			
-	Ứng với MNDBT		0,642	0,642	0,642
-	Ứng với MNGDC				
	Diện tích mặt nước	ha			
-	Ứng với MNDBT		18,81	18,81	18,81
-	Ứng với MNDGC		26,44	26,44	26,44
2	Cấp nước tưới	Ha	160	109,20	160
3	Cấp nước sinh hoạt,	m ³ /ng.đ			
4	Cấp nước công nghiệp				
5	Diện tích sử dụng đất cho công trình	ha			
-	Công trình đầu mối		24,79	24,79	24,79
-	Kênh mương				
-	Nuôi trồng thủy sản trong lòng hồ				15
-	Trồng cây lâu năm, cây hàng năm (vùng bán ngập - dự kiến)				
-	Dịch vụ, du lịch (kinh doanh, câu cá)				

30. Hồ M26

- Vị trí xây dựng: xã Hưng Phước, tỉnh Đồng Nai.
- Hiện Trạng và tiềm năng khai thác đa mục tiêu của hồ chứa:

TT	Nội dung	Đơn vị	Thiết kế (điều chỉnh theo Quyết định 989/QĐ-UBND)	Hiện trạng	Tiềm năng
1	Dung tích hồ	10 ⁶ m ³			
-	Ứng với MNDBT		0,162	0,162	0,162
-	Ứng với MNGDC				
	Diện tích mặt nước	ha			
-	Ứng với MNDBT		18	18	18
-	Ứng với MNDGC				
2	Cấp nước tưới	Ha	140	29,35	140
3	Cấp nước sinh hoạt,	m ³ /ng.đ			
4	Cấp nước công nghiệp				
5	Diện tích sử dụng đất cho công trình	ha			
-	Công trình đầu mối		26,60	26,60	26,60
-	Kênh mương				
-	Nuôi trồng thủy sản trong lòng hồ				15
-	Trồng cây lâu năm, cây hàng năm (vùng bán ngập - dự kiến)				
-	Dịch vụ, du lịch (kinh doanh, câu cá)				

31. Hồ Bù Tam

- Vị trí xây dựng: xã Hưng Phước, tỉnh Đồng Nai.
- Hiện Trạng và tiềm năng khai thác đa mục tiêu của hồ chứa:

TT	Nội dung	Đơn vị	Thiết kế	Hiện trạng	Tiềm năng
1	Dung tích hồ	10 ⁶ m ³			
-	Ứng với MNDBT		2,817	2,817	2,817
-	Ứng với MNGDC				
	Diện tích mặt nước	ha			
-	Ứng với MNDBT		64,09	64,09	64,09
-	Ứng với MNDGC		71,63	71,63	71,63
2	Cấp nước tưới	Ha	295	89,35	445
3	Cấp nước sinh hoạt,	m ³ /ng.đ			
4	Cấp nước công nghiệp				
5	Diện tích sử dụng đất cho công trình	ha			
-	Công trình đầu mối		76,66	76,66	76,66
-	Kênh mương			0,172	
-	Nuôi trồng thủy sản trong lòng hồ				55
-	Trồng cây lâu năm, cây hàng năm (vùng bán ngập - dự kiến)				
-	Dịch vụ, du lịch (kinh doanh, câu cá)				

32. Hồ ông Thoại

- Vị trí xây dựng: xã Nghĩa Trung, tỉnh Đồng Nai.
- Hiện Trạng và tiềm năng khai thác đa mục tiêu của hồ chứa:

TT	Nội dung	Đơn vị	Thiết kế (điều chỉnh theo Quyết định 989/QĐ-UBND)	Hiện trạng	Tiềm năng
1	Dung tích hồ	10 ⁶ m ³			
-	Ứng với MNDBT		1,765	1,765	1,765
-	Ứng với MNGDC				
	Diện tích mặt nước	ha			
-	Ứng với MNDBT		52,50	52,50	52,50
-	Ứng với MNDGC		60	60	60
2	Cấp nước tưới	Ha	100	23,90	25
3	Cấp nước sinh hoạt,	m ³ /ng.đ	3.840	83	5.000
4	Cấp nước công nghiệp				
5	Diện tích sử dụng đất cho công trình	ha			
-	Công trình đầu mối		73,198	73,198	73,198
-	Kênh mương				
-	Nuôi trồng thủy sản trong lòng hồ				43
-	Trồng cây lâu năm, cây hàng năm (vùng bán ngập - dự kiến)				
-	Dịch vụ, du lịch (kinh doanh, câu cá)				

33. Hồ Bra Măng

- Vị trí xây dựng: xã Bù Đăng, tỉnh Đồng Nai.
- Hiện Trạng và tiềm năng khai thác đa mục tiêu của hồ chứa:

TT	Nội dung	Đơn vị	Thiết kế (điều chỉnh theo Quyết định 989/QĐ-UBND)	Hiện trạng	Tiềm năng
1	Dung tích hồ	10 ⁶ m ³			
-	Ứng với MNDBT		0,88	0,88	0,88
-	Ứng với MNGDC				
	Diện tích mặt nước	ha			
-	Ứng với MNDBT				
-	Ứng với MNDGC				
2	Cấp nước tưới	Ha	60	91,84	60
3	Cấp nước sinh hoạt,	m ³ /ng.đ			
4	Cấp nước công nghiệp				
5	Diện tích sử dụng đất cho công trình	ha			
-	Công trình đầu mối		20	20	20
-	Kênh mương				
-	Nuôi trồng thủy sản trong lòng hồ				10
-	Trồng cây lâu năm, cây hàng năm (vùng bán ngập - dự kiến)				
-	Dịch vụ, du lịch (kinh doanh, câu cá)				

34. Hồ Hưng Phú

- Vị trí xây dựng: xã Bù Đăng, tỉnh Đồng Nai.
- Hiện Trạng và tiềm năng khai thác đa mục tiêu của hồ chứa:

TT	Nội dung	Đơn vị	Thiết kế (điều chỉnh theo Quyết định 989/QĐ-UBND)	Hiện trạng	Tiềm năng
1	Dung tích hồ	10 ⁶ m ³			
-	Ứng với MNDBT		1,174	1,174	1,174
-	Ứng với MNGDC		1,373	1,373	1,373
	Diện tích mặt nước	ha			
-	Ứng với MNDBT		28,84	28,84	28,84
-	Ứng với MNDGC				
2	Cấp nước tưới	Ha	100	74,99	100
3	Cấp nước sinh hoạt,	m ³ /ng.đ	2.000	451	2.000
4	Cấp nước công nghiệp				
5	Diện tích sử dụng đất cho công trình	ha			
-	Công trình đầu mối		31,69	31,69	31,69
-	Kênh mương				
-	Nuôi trồng thủy sản trong lòng hồ				20
-	Trồng cây lâu năm, cây hàng năm (vùng bán ngập - dự kiến)				
-	Dịch vụ, du lịch (kinh doanh, câu cá)				1

35. Hồ Sơn Hiệp

- Vị trí xây dựng: xã Thọ Sơn, tỉnh Đồng Nai.
- Hiện Trạng và tiềm năng khai thác đa mục tiêu của hồ chứa:

TT	Nội dung	Đơn vị	Thiết kế (điều chỉnh theo Quyết định 989/QĐ-UBND)	Hiện trạng	Tiềm năng
1	Dung tích hồ	10 ⁶ m ³			
-	Ứng với MNDBT		0,267	0,267	0,267
-	Ứng với MNGDC				
	Diện tích mặt nước	ha			
-	Ứng với MNDBT		8,85	8,85	8,85
-	Ứng với MNDGC		9,50	9,50	9,50
2	Cấp nước tưới	Ha	50	22,21	50
3	Cấp nước sinh hoạt,	m ³ /ng.đ			
4	Cấp nước công nghiệp				
5	Diện tích sử dụng đất cho công trình	ha			
-	Công trình đầu mối		11,69	11,69	11,69
-	Kênh mương				
-	Nuôi trồng thủy sản trong lòng hồ				5
-	Trồng cây lâu năm, cây hàng năm (vùng bán ngập - dự kiến)				
-	Dịch vụ, du lịch (kinh doanh, câu cá)				

36. Hồ Thọ Sơn

- Vị trí xây dựng: xã Thọ Sơn, tỉnh Đồng Nai.
- Hiện Trạng và tiềm năng khai thác đa mục tiêu của hồ chứa:

TT	Nội dung	Đơn vị	Thiết kế (điều chỉnh theo Quyết định 989/QĐ-UBND)	Hiện trạng	Tiềm năng
1	Dung tích hồ	10 ⁶ m ³			
-	Ứng với MNDBT		0,963	0,963	0,963
-	Ứng với MNGDC		1,016	1,016	1,016
	Diện tích mặt nước	ha			
-	Ứng với MNDBT		18,50	18,50	18,50
-	Ứng với MNDGC		22,3	22,3	22,3
2	Cấp nước tưới	Ha	120	84,8	120
3	Cấp nước sinh hoạt,	m ³ /ng.đ	1.152	85	1.152
4	Cấp nước công nghiệp				
5	Diện tích sử dụng đất cho công trình	ha			
-	Công trình đầu mối		24,92	24,92	24,92
-	Kênh mương				
-	Nuôi trồng thủy sản trong lòng hồ				15
-	Trồng cây lâu năm, cây hàng năm (vùng bán ngập - dự kiến)				
-	Dịch vụ, du lịch (kinh doanh, câu cá)				

37. Hồ Đăk Liên

- Vị trí xây dựng: xã Đăk Nhau, tỉnh Đồng Nai.
- Hiện Trạng và tiềm năng khai thác đa mục tiêu của hồ chứa:

TT	Nội dung	Đơn vị	Thiết kế (điều chỉnh theo Quyết định 989/QĐ-UBND)	Hiện trạng	Tiềm năng
1	Dung tích hồ	10 ⁶ m ³			
-	Ứng với MNDBT		0,43	0,43	0,43
-	Ứng với MNGDC				
	Diện tích mặt nước	ha			
-	Ứng với MNDBT		16,75	16,75	16,75
-	Ứng với MNDGC				
2	Cấp nước tưới	Ha	200	276,95	300
3	Cấp nước sinh hoạt,	m ³ /ng.đ			
4	Cấp nước công nghiệp				
5	Diện tích sử dụng đất cho công trình	ha			
-	Công trình đầu mối		33,48	33,48	33,48
-	Kênh mương				
-	Nuôi trồng thủy sản trong lòng hồ				10
-	Trồng cây lâu năm, cây hàng năm (vùng bán ngập - dự kiến)				
-	Dịch vụ, du lịch (kinh doanh, câu cá)				

38. Hồ Đa Bò

- Vị trí xây dựng: xã Thọ Sơn, tỉnh Đồng Nai.
- Hiện Trạng và tiềm năng khai thác đa mục tiêu của hồ chứa:

TT	Nội dung	Đơn vị	Thiết kế (điều chỉnh theo Quyết định 989/QĐ-UBND)	Hiện trạng	Tiềm năng
1	Dung tích hồ	10 ⁶ m ³			
-	Ứng với MNDBT		0,566	0,566	0,566
-	Ứng với MNGDC				
	Diện tích mặt nước	ha			
-	Ứng với MNDBT				
-	Ứng với MNDGC		14,09	14,09	14,09
2	Cấp nước tưới	Ha	100	31,39	100
3	Cấp nước sinh hoạt,	m ³ /ng.đ			
4	Cấp nước công nghiệp				
5	Diện tích sử dụng đất cho công trình	ha			
-	Công trình đầu mối		19,40	19,40	19,40
-	Kênh mương				
-	Nuôi trồng thủy sản trong lòng hồ				10
-	Trồng cây lâu năm, cây hàng năm (vùng bán ngập - dự kiến)				
-	Dịch vụ, du lịch (kinh doanh, câu cá)				

39. Hồ Sơn Lợi

- Vị trí xây dựng: xã Thọ Sơn, tỉnh Đồng Nai.
- Hiện Trạng và tiềm năng khai thác đa mục tiêu của hồ chứa:

TT	Nội dung	Đơn vị	Thiết kế (điều chỉnh theo Quyết định 989/QĐ-UBND)	Hiện trạng	Tiềm năng
1	Dung tích hồ	$10^6 m^3$			
-	Ứng với MNDBT		0,76	0,76	0,76
-	Ứng với MNGDC				
	Diện tích mặt nước	ha			
-	Ứng với MNDBT		18,34	18,34	18,34
-	Ứng với MNDGC				
2	Cấp nước tưới	Ha	110	60,60	110
3	Cấp nước sinh hoạt,	$m^3/ng.đ$		110	
4	Cấp nước công nghiệp				
5	Diện tích sử dụng đất cho công trình	ha			
-	Công trình đầu mối		22,93	22,93	22,93
-	Kênh mương				
-	Nuôi trồng thủy sản trong lòng hồ				15
-	Trồng cây lâu năm, cây hàng năm (vùng bán ngập - dự kiến)				
-	Dịch vụ, du lịch (kinh doanh, câu cá)				

40. Hồ Đa Bông Cua

- Vị trí xây dựng: xã Phước Sơn, tỉnh Đồng Nai.
- Hiện Trạng và tiềm năng khai thác đa mục tiêu của hồ chứa:

TT	Nội dung	Đơn vị	Thiết kế (điều chỉnh theo Quyết định 989/QĐ-UBND)	Hiện trạng	Tiềm năng
1	Dung tích hồ	10 ⁶ m ³			
-	Ứng với MNDBT		0,266	0,266	0,266
-	Ứng với MNGDC				
	Diện tích mặt nước	ha			
-	Ứng với MNDBT		5,06	5,06	5,06
-	Ứng với MNDGC				
2	Cấp nước tưới	Ha	40	2	40
3	Cấp nước sinh hoạt,	m ³ /ng.đ	100	11	100
4	Cấp nước công nghiệp				
5	Diện tích sử dụng đất cho công trình	ha			
-	Công trình đầu mối		5,13	5,13	5,13
-	Kênh mương				
-	Nuôi trồng thủy sản trong lòng hồ				3
-	Trồng cây lâu năm, cây hàng năm (vùng bán ngập - dự kiến)				
-	Dịch vụ, du lịch (kinh doanh, câu cá)				

41. Hồ Bù Môn

- Vị trí xây dựng: xã Bù Đăng, tỉnh Đồng Nai.
- Hiện Trạng và tiềm năng khai thác đa mục tiêu của hồ chứa:

TT	Nội dung	Đơn vị	Thiết kế (điều chỉnh theo Quyết định 989/QĐ-UBND)	Hiện trạng	Tiềm năng
1	Dung tích hồ	10 ⁶ m ³			
-	Ứng với MNDBT		0,225	0,225	0,225
-	Ứng với MNGDC				
	Diện tích mặt nước	ha			
-	Ứng với MNDBT		10	10	10
-	Ứng với MNDGC				
2	Cấp nước tưới	Ha	100	52,50	100
3	Cấp nước sinh hoạt,	m ³ /ng.đ	2.000	598	2.000
4	Cấp nước công nghiệp				
5	Diện tích sử dụng đất cho công trình	ha			
-	Công trình đầu mối		21,09	21,09	21,09
-	Kênh mương			0,50	
-	Nuôi trồng thủy sản trong lồng hồ				-
-	Trồng cây lâu năm, cây hàng năm (vùng bán ngập - dự kiến)				
-	Dịch vụ, du lịch (kinh doanh, câu cá)				

42. Hồ Phú Sơn

- Vị trí xây dựng: xã Thọ Sơn, tỉnh Đồng Nai.

- Hiện Trạng và tiềm năng khai thác đa mục tiêu của hồ chứa:

TT	Nội dung	Đơn vị	Thiết kế (điều chỉnh theo Quyết định 989/QĐ-UBND)	Hiện trạng	Tiềm năng
1	Dung tích hồ	$10^6 m^3$			
-	Ứng với MNDBT		0,392	0,392	0,392
-	Ứng với MNGDC				
	Diện tích mặt nước	ha			
-	Ứng với MNDBT				
-	Ứng với MNDGC				
2	Cấp nước tưới	Ha	50	42	50
3	Cấp nước sinh hoạt,	$m^3/ng.đ$	500		500
4	Cấp nước công nghiệp				
5	Diện tích sử dụng đất cho công trình	ha			
-	Công trình đầu mối		17,55	17,55	17,55
-	Kênh mương				
-	Nuôi trồng thủy sản trong lòng hồ				5
-	Trồng cây lâu năm, cây hàng năm (vùng bán ngập - dự kiến)				
-	Dịch vụ, du lịch (kinh doanh, câu cá)				

43. Hồ Đaou 2

- Vị trí xây dựng: xã Nghĩa Trung, tỉnh Đồng Nai.
- Hiện Trạng và tiềm năng khai thác đa mục tiêu của hồ chứa:

TT	Nội dung	Đơn vị	Thiết kế	Hiện trạng	Tiềm năng
1	Dung tích hồ	10 ⁶ m ³			
-	Ứng với MNDBT		0,91	0,91	0,91
-	Ứng với MNGDC				
	Diện tích mặt nước	ha			
-	Ứng với MNDBT		23,5	23,5	23,5
-	Ứng với MNDGC				
2	Cấp nước tưới	Ha	129,50	37,20	129,50
3	Cấp nước sinh hoạt,	m ³ /ng.đ			
4	Cấp nước công nghiệp				
5	Diện tích sử dụng đất cho công trình	ha			
-	Công trình đầu mối		30,063	30,063	30,063
-	Kênh mương				
-	Nuôi trồng thủy sản trong lòng hồ				16
-	Trồng cây lâu năm, cây hàng năm (vùng bán ngập - dự kiến)				
-	Dịch vụ, du lịch (kinh doanh, câu cá)				

44. Hồ NT4

- Vị trí xây dựng: xã Bình Tân, tỉnh Đồng Nai.
- Hiện Trạng và tiềm năng khai thác đa mục tiêu của hồ chứa:

TT	Nội dung	Đơn vị	Thiết kế (điều chỉnh theo Quyết định 989/QĐ-UBND)	Hiện trạng	Tiềm năng
1	Dung tích hồ	10 ⁶ m ³			
-	Ứng với MNDBT		2,615	2,615	2,615
-	Ứng với MNGDC				
	Diện tích mặt nước	ha			
-	Ứng với MNDBT		65	65	65
-	Ứng với MNDGC		78,85	78,85	78,85
2	Cấp nước tưới	Ha	200	63,7	200
3	Cấp nước sinh hoạt,	m ³ /ng.đ	2.000		2.000
4	Cấp nước công nghiệp				
5	Diện tích sử dụng đất cho công trình	ha			
-	Công trình đầu mối		89,26	89,26	89,26
-	Kênh mương				
-	Nuôi trồng thủy sản trong lòng hồ				55
-	Trồng cây lâu năm, cây hàng năm (vùng bán ngập - dự kiến)				
-	Dịch vụ, du lịch (kinh doanh, câu cá)				

45. Hồ NT6

- Vị trí xây dựng: xã Long Hà, tỉnh Đồng Nai.
- Hiện Trạng và tiềm năng khai thác đa mục tiêu của hồ chứa:

TT	Nội dung	Đơn vị	Thiết kế (điều chỉnh theo Quyết định 989/QĐ-UBND)	Hiện trạng	Tiềm năng
1	Dung tích hồ	10 ⁶ m ³			
-	Ứng với MNDBT		2,75	2,75	2,75
-	Ứng với MNGDC				
	Diện tích mặt nước	ha			
-	Ứng với MNDBT		91,65	91,65	91,65
-	Ứng với MNDGC				
2	Cấp nước tưới	Ha	100	19,80	100
3	Cấp nước sinh hoạt,	m ³ /ng.đ	2.000	787	2.000
4	Cấp nước công nghiệp				
5	Diện tích sử dụng đất cho công trình	ha			
-	Công trình đầu mối		111,518	111,518	111,518
-	Kênh mương				
-	Nuôi trồng thủy sản trong lòng hồ				80
-	Trồng cây lâu năm, cây hàng năm (vùng bán ngập - dự kiến)				
-	Dịch vụ, du lịch (kinh doanh, câu cá)				1

46. Hồ NT9

- Vị trí xây dựng: xã Long Hà, tỉnh Đồng Nai.
- Hiện Trạng và tiềm năng khai thác đa mục tiêu của hồ chứa:

TT	Nội dung	Đơn vị	Thiết kế (điều chỉnh theo Quyết định 989/QĐ-UBND)	Hiện trạng	Tiềm năng
1	Dung tích hồ	$10^6 m^3$			
-	Ứng với MNDBT		1,97	1,97	1,97
-	Ứng với MNGDC				
	Diện tích mặt nước	ha			
-	Ứng với MNDBT				
-	Ứng với MNDGC				
2	Cấp nước tưới	Ha	100	14,33	100
3	Cấp nước sinh hoạt,	$m^3/ng.đ$	6.000	140	6.000
4	Cấp nước công nghiệp				
5	Diện tích sử dụng đất cho công trình	ha			
-	Công trình đầu mối		102,4	102,4	102,4
-	Kênh mương				
-	Nuôi trồng thủy sản trong lòng hồ				30
-	Trồng cây lâu năm, cây hàng năm (vùng bán ngập - dự kiến)				
-	Dịch vụ, du lịch (kinh doanh, câu cá)				

47. HỒ NT10

- Vị trí xây dựng: xã Phú Riêng, tỉnh Đồng Nai.
- Hiện Trạng và tiềm năng khai thác đa mục tiêu của hồ chứa:

TT	Nội dung	Đơn vị	Thiết kế (điều chỉnh theo Quyết định 989/QĐ-UBND)	Hiện trạng	Tiềm năng
1	Dung tích hồ	$10^6 m^3$			
-	Ứng với MNDBT		0,20	0,20	0,20
-	Ứng với MNGDC				
	Diện tích mặt nước	ha			
-	Ứng với MNDBT				
-	Ứng với MNDGC				
2	Cấp nước tưới	Ha	70	36,69	70
3	Cấp nước sinh hoạt,	$m^3/ng.đ$			
4	Cấp nước công nghiệp				
5	Diện tích sử dụng đất cho công trình	ha			
-	Công trình đầu mối		18,75	18,75	18,75
-	Kênh mương				
-	Nuôi trồng thủy sản trong lòng hồ				8
-	Trồng cây lâu năm, cây hàng năm (vùng bán ngập - dự kiến)				
-	Dịch vụ, du lịch (kinh doanh, câu cá)				

48. Hồ Bù Ka

- Vị trí xây dựng: xã Bình Tân, tỉnh Đồng Nai.
- Hiện Trạng và tiềm năng khai thác đa mục tiêu của hồ chứa:

TT	Nội dung	Đơn vị	Thiết kế (điều chỉnh theo Quyết định 989/QĐ-UBND)	Hiện trạng	Tiềm năng
1	Dung tích hồ	10 ⁶ m ³			
-	Ứng với MNDBT		0,29	0,29	0,29
-	Ứng với MNGDC		0,419		
	Diện tích mặt nước	ha			
-	Ứng với MNDBT		10,10	10,10	10,10
-	Ứng với MNDGC		12,10	12,10	12,10
2	Cấp nước tưới	Ha	60	22,10	60
3	Cấp nước sinh hoạt,	m ³ /ng.đ			
4	Cấp nước công nghiệp				
5	Diện tích sử dụng đất cho công trình	ha			
-	Công trình đầu mối		18,077	18,077	18,077
-	Kênh mương				
-	Nuôi trồng thủy sản trong lòng hồ				5
-	Trồng cây lâu năm, cây hàng năm (vùng bán ngập - dự kiến)				
-	Dịch vụ, du lịch (kinh doanh, câu cá)				

49. Hồ Bàu Thôn

- Vị trí xây dựng: xã Bình Tân, tỉnh Đồng Nai.
- Hiện Trạng và tiềm năng khai thác đa mục tiêu của hồ chứa:

TT	Nội dung	Đơn vị	Thiết kế (điều chỉnh theo Quyết định 989/QĐ-UBND)	Hiện trạng	Tiềm năng
1	Dung tích hồ	10 ⁶ m ³			
-	Ứng với MNDBT		0,43	0,43	0,43
-	Ứng với MNGDC		0,684	0,684	0,684
	Diện tích mặt nước	ha			
-	Ứng với MNDBT		22	22	22
-	Ứng với MNDGC		29	29	29
2	Cấp nước tưới	Ha	60	37,32	60
3	Cấp nước sinh hoạt,	m ³ /ng.đ			
4	Cấp nước công nghiệp				
5	Diện tích sử dụng đất cho công trình	ha			
-	Công trình đầu mối		32,237	32,237	32,237
-	Kênh mương				
-	Nuôi trồng thủy sản trong lòng hồ				15
-	Trồng cây lâu năm, cây hàng năm (vùng bán ngập - dự kiến)				
-	Dịch vụ, du lịch (kinh doanh, câu cá)				

50. Hồ Bàu Sen

- Vị trí xây dựng: xã Bình Tân, tỉnh Đồng Nai.
- Hiện Trạng và tiềm năng khai thác đa mục tiêu của hồ chứa:

TT	Nội dung	Đơn vị	Thiết kế (điều chỉnh theo Quyết định 989/QĐ-UBND)	Hiện trạng	Tiềm năng
1	Dung tích hồ	10 ⁶ m ³			
-	Ứng với MNDBT		0,514	0,514	0,514
-	Ứng với MNGDC				
	Diện tích mặt nước	ha			
-	Ứng với MNDBT		11	11	11
-	Ứng với MNDGC				
2	Cấp nước tưới	Ha	100	61,11	100
3	Cấp nước sinh hoạt,	m ³ /ng.đ			
4	Cấp nước công nghiệp				
5	Diện tích sử dụng đất cho công trình	ha			
-	Công trình đầu mối		31,78	31,78	31,78
-	Kênh mương				
-	Nuôi trồng thủy sản trong lòng hồ				10
-	Trồng cây lâu năm, cây hàng năm (vùng bán ngập - dự kiến)				
-	Dịch vụ, du lịch (kinh doanh, câu cá)				

51. Hồ NT8

- Vị trí xây dựng: xã Bình Tân, tỉnh Đồng Nai.
- Hiện Trạng và tiềm năng khai thác đa mục tiêu của hồ chứa:

TT	Nội dung	Đơn vị	Thiết kế (điều chỉnh theo Quyết định 989/QĐ-UBND)	Hiện trạng	Tiềm năng
1	Dung tích hồ	10 ⁶ m ³			
-	Ứng với MNDBT		1,30	1,30	1,30
-	Ứng với MNGDC				
	Diện tích mặt nước	ha			
-	Ứng với MNDBT		35,89	35,89	35,89
-	Ứng với MNDGC		48,99	48,99	48,99
2	Cấp nước tưới	Ha	100	14,3	100
3	Cấp nước sinh hoạt,	m ³ /ng.đ			
4	Cấp nước công nghiệp				
5	Diện tích sử dụng đất cho công trình	ha			
-	Công trình đầu mối		51	51	51
-	Kênh mương				
-	Nuôi trồng thủy sản trong lòng hồ				30
-	Trồng cây lâu năm, cây hàng năm (vùng bán ngập - dự kiến)				
-	Dịch vụ, du lịch (kinh doanh, câu cá)				

52. Hồ Đak Tôn

- Vị trí xây dựng: Phường Phước Bình, tỉnh Đồng Nai.
- Hiện Trạng và tiềm năng khai thác đa mục tiêu của hồ chứa:

TT	Nội dung	Đơn vị	Thiết kế (điều chỉnh theo Quyết định 989/QĐ-UBND)	Hiện trạng	Tiềm năng
1	Dung tích hồ	$10^6 m^3$			
-	Ứng với MNDBT		0,506	0,506	0,506
-	Ứng với MNGDC				
	Diện tích mặt nước	ha			
-	Ứng với MNDBT		18	18	18
-	Ứng với MNDGC				
2	Cấp nước tưới	Ha	60	34,51	60
3	Cấp nước sinh hoạt,	$m^3/ng.đ$			
4	Cấp nước công nghiệp				
5	Diện tích sử dụng đất cho công trình	ha			
-	Công trình đầu mối		20,19	20,19	20,19
-	Kênh mương				
-	Nuôi trồng thủy sản trong lòng hồ				15
-	Trồng cây lâu năm, cây hàng năm (vùng bán ngập - dự kiến)				
-	Dịch vụ, du lịch (kinh doanh, câu cá)				0,50

53. Hồ Dội 7

- Vị trí xây dựng: xã ĐaKia, tỉnh Đồng Nai.
- Hiện Trạng và tiềm năng khai thác đa mục tiêu của hồ chứa:

TT	Nội dung	Đơn vị	Thiết kế (điều chỉnh theo Quyết định 989/QĐ-UBND)	Hiện trạng	Tiềm năng
1	Dung tích hồ	10 ⁶ m ³			
-	Ứng với MNDBT		1,74	1,74	1,74
-	Ứng với MNGDC				
	Diện tích mặt nước	ha			
-	Ứng với MNDBT				
-	Ứng với MNDGC				
2	Cấp nước tưới	Ha	100	39,65	100
3	Cấp nước sinh hoạt,	m ³ /ng.đ			
4	Cấp nước công nghiệp				
5	Diện tích sử dụng đất cho công trình	ha			
-	Công trình đầu mối			49,886	49,886
-	Kênh mương				
-	Nuôi trồng thủy sản trong lòng hồ				20
-	Trồng cây lâu năm, cây hàng năm (vùng bán ngập - dự kiến)				
-	Dịch vụ, du lịch (kinh doanh, câu cá)				

54. Hồ Bình Hà

- Vị trí xây dựng: xã Đa Kia, tỉnh Đồng Nai.
- Hiện Trạng và tiềm năng khai thác đa mục tiêu của hồ chứa:

TT	Nội dung	Đơn vị	Thiết kế (điều chỉnh theo Quyết định 989/QĐ-UBND)	Hiện trạng	Tiềm năng
1	Dung tích hồ	10 ⁶ m ³			
-	Ứng với MNDBT		0,952	0,952	0,952
-	Ứng với MNGDC				
	Diện tích mặt nước	ha			
-	Ứng với MNDBT		23,5	23,5	23,5
-	Ứng với MNDGC		27,5	27,5	27,5
2	Cấp nước tưới	Ha	100	92,91	100
3	Cấp nước sinh hoạt,	m ³ /ng.đ			
4	Cấp nước công nghiệp				
5	Diện tích sử dụng đất cho công trình	ha			
-	Công trình đầu mối		42,71	42,71	42,71
-	Kênh mương			0,208	
-	Nuôi trồng thủy sản trong lòng hồ				16
-	Trồng cây lâu năm, cây hàng năm (Vùng bán ngập - dự kiến)				
-	Dịch vụ, du lịch (kinh doanh, câu cá)				

55. Hồ Bù Xĩa

- Vị trí xây dựng: xã Đăk O, tỉnh Đồng Nai.
- Hiện Trạng và tiềm năng khai thác đa mục tiêu của hồ chứa:

TT	Nội dung	Đơn vị	Thiết kế (điều chỉnh theo Quyết định 989/QĐ-UBND)	Hiện trạng	Tiềm năng
1	Dung tích hồ	10 ⁶ m ³			
-	Ứng với MNDBT		0,1625	0,1625	0,1625
-	Ứng với MNGDC				
	Diện tích mặt nước	ha			
-	Ứng với MNDBT		3,796	3,796	3,796
-	Ứng với MNDGC		4,088	4,088	4,088
2	Cấp nước tưới	Ha	40	18,73	40
3	Cấp nước sinh hoạt,	m ³ /ng.đ			
4	Cấp nước công nghiệp				
5	Diện tích sử dụng đất cho công trình	ha			
-	Công trình đầu mối		8,34	8,34	8,34
-	Kênh mương				
-	Nuôi trồng thủy sản trong lòng hồ				2
-	Trồng cây lâu năm, cây hàng năm (vùng bán ngập - dự kiến)				
-	Dịch vụ, du lịch (kinh doanh, câu cá)				

56. Hồ Sa Cát

- Vị trí xây dựng: Phường Bình Long, tỉnh Đồng Nai.
- Hiện Trạng và tiềm năng khai thác đa mục tiêu của hồ chứa:

TT	Nội dung	Đơn vị	Thiết kế (điều chỉnh theo Quyết định 989/QĐ-UBND)	Hiện trạng	Tiềm năng
1	Dung tích hồ	$10^6 m^3$			
-	Ứng với MNDBT		1,327	1,327	1,327
-	Ứng với MNGDC				
	Diện tích mặt nước	ha			
-	Ứng với MNDBT		41	41	41
-	Ứng với MNDGC				
2	Cấp nước tưới	Ha	100	16,2	100
3	Cấp nước sinh hoạt,	$m^3/ng.đ$	4.000	1.534	4.000
4	Cấp nước công nghiệp				
5	Diện tích sử dụng đất cho công trình	ha			
-	Công trình đầu mối			75.05	75.05
-	Kênh mương				
-	Nuôi trồng thủy sản trong lòng hồ				30
-	Trồng cây lâu năm, cây hàng năm (vùng bán ngập - dự kiến)				
-	Dịch vụ, du lịch (kinh doanh, câu cá)				0,5

57. Hồ An Khương

- Vị trí xây dựng: xã Tân Hưng, tỉnh Đồng Nai.
- Hiện Trạng và tiềm năng khai thác đa mục tiêu của hồ chứa:

TT	Nội dung	Đơn vị	Thiết kế (điều chỉnh theo Quyết định 989/QĐ-UBND)	Hiện trạng	Tiềm năng
1	Dung tích hồ	10 ⁶ m ³			
-	Ứng với MNDBT		2,60	2,60	2,60
-	Ứng với MNGDC				
	Diện tích mặt nước	ha			
-	Ứng với MNDBT		58	58	58
-	Ứng với MNDGC		61	61	61
2	Cấp nước tưới	Ha	200	112,68	200
3	Cấp nước sinh hoạt,	m ³ /ng.đ	500	13	500
4	Cấp nước công nghiệp				
5	Diện tích sử dụng đất cho công trình	ha			
-	Công trình đầu mối			70,84	70,84
-	Kênh mương			0,81	
-	Nuôi trồng thủy sản trong lòng hồ				42
-	Trồng cây lâu năm, cây hàng năm (vùng bán ngập - dự kiến)				
-	Dịch vụ, du lịch (kinh doanh, câu cá)				

58. Hồ Bàu Úm

- Vị trí xây dựng: xã Tân Khai, tỉnh Đồng Nai.
- Hiện Trạng và tiềm năng khai thác đa mục tiêu của hồ chứa:

TT	Nội dung	Đơn vị	Thiết kế (điều chỉnh theo Quyết định 989/QĐ-UBND)	Hiện trạng	Tiềm năng
1	Dung tích hồ	10 ⁶ m ³			
-	Ứng với MNDBT		1,58	1,58	1,58
-	Ứng với MNGDC				
	Diện tích mặt nước	ha			
-	Ứng với MNDBT		47,50	47,50	47,50
-	Ứng với MNDGC		53	53	53
2	Cấp nước tưới	Ha	100	11,6	100
3	Cấp nước sinh hoạt,	m ³ /ng.đ	4.000	43	4.000
4	Cấp nước công nghiệp				
5	Diện tích sử dụng đất cho công trình	ha			
-	Công trình đầu mối		63,405	63,405	63,405
-	Kênh mương				
-	Nuôi trồng thủy sản trong lòng hồ				40
-	Trồng cây lâu năm, cây hàng năm (vùng bán ngập - dự kiến)				
-	Dịch vụ, du lịch (kinh doanh, câu cá)				

59. Hồ Suối Ông

- Vị trí xây dựng: xã Tân Khai, tỉnh Đồng Nai.
- Hiện Trạng và tiềm năng khai thác đa mục tiêu của hồ chứa:

TT	Nội dung	Đơn vị	Thiết kế (điều chỉnh theo Quyết định 989/QĐ-UBND)	Hiện trạng	Tiềm năng
1	Dung tích hồ	10.m ³			
-	Ứng với MNDBT		0,386	0,386	0,386
-	Ứng với MNGDC		0,503	0,503	0,503
	Diện tích mặt nước	ha			
-	Ứng với MNDBT		11,68	11,68	11,68
-	Ứng với MNDGC				
2	Cấp nước tưới	Ha	30	4,7	30
3	Cấp nước sinh hoạt,	m ³ /ng.đ			
4	Cấp nước công nghiệp				
5	Diện tích sử dụng đất cho công trình	ha			
-	Công trình đầu mối			21,02	21,02
-	Kênh mương				
-	Nuôi trồng thủy sản trong lòng hồ				10
-	Trồng cây lâu năm, cây hàng năm (vùng bán ngập - dự kiến)				
-	Dịch vụ, du lịch (kinh doanh, câu cá)				

60. Hồ Ba Veng

- Vị trí xây dựng: xã Minh Đức, tỉnh Đồng Nai.
- Hiện Trạng và tiềm năng khai thác đa mục tiêu của hồ chứa:

TT	Nội dung	Đơn vị	Thiết kế (điều chỉnh theo Quyết định 989/QĐ-UBND)	Hiện trạng	Tiềm năng
1	Dung tích hồ	10m ³			
-	Ứng với MNDBT		0,8674	0,8674	0,8674
-	Ứng với MNGDC				
	Diện tích mặt nước	ha			
-	Ứng với MNDBT		41,88	41,88	41,88
-	Ứng với MNDGC				
2	Cấp nước tưới	Ha	100	61,7	100
3	Cấp nước sinh hoạt,	m ³ /ng.đ	4.000		4.000
4	Cấp nước công nghiệp				
5	Diện tích sử dụng đất cho công trình	ha	73,77	73,77	73,77
-	Công trình đầu mối				
-	Kênh mương				
-	Nuôi trồng thủy sản trong lòng hồ				30
-	Trồng cây lâu năm, cây hàng năm (vùng bán ngập - dự kiến)				
-	Dịch vụ, du lịch (kinh doanh, câu cá)				

61. Hồ Suối Lai

- Vị trí xây dựng: xã Tân Quan, tỉnh Đồng Nai.
- Hiện Trạng và tiềm năng khai thác đa mục tiêu của hồ chứa:

TT	Nội dung	Đơn vị	Thiết kế (điều chỉnh theo Quyết định 989/QĐ-UBND)	Hiện trạng	Triềm năng
1	Dung tích hồ	10m³			
-	Ứng với MNDBT		0,436	0,436	0,436
-	Ứng với MNGDC				
	Diện tích mặt nước				
-	Ứng với MNDBT		32,5	32,5	32,5
-	Ứng với MNDGC		40	40	40
2	Cấp nước tưới	Ha	120	81,03	100
3	Cấp nước sinh hoạt,	m³/ng.đ			
4	Cấp nước công nghiệp	ha	100	37	100
5	Diện tích sử dụng đất cho công trình				
-	Công trình đầu mối			41,7	41,7
-	Kênh mương				
-	Nuôi trồng thủy sản trong lòng hồ				25
-	Trồng cây lâu năm, cây hàng năm (vùng bán ngập - dự kiến)				
-	Dịch vụ, du lịch (kinh doanh, câu cá)				

62. Đập Đồng Hiệp

- Vị trí: Xã Phú Hòa, tỉnh Đồng Nai. .

- Hiện trạng và tiềm năng khai thác đa mục tiêu của hồ chứa:

TT	Nội dung	Đơn vị	Thiết kế	Hiện trạng	Tiềm năng
1	Cao trình	m			
-	MNDBT		106,50	106,50	106,50
2	Cấp nước tưới	ha	1.622 (QĐ 2417/QĐ-UBND ngày 6/8/2014)	1.321,18 (thực hiện năm 2024)	1.321,18
3	Cấp nước sinh hoạt	m ³ /ngđ			
4	Cấp nước công nghiệp	m ³ /ngđ			
5	Diện tích sử dụng đất cho công trình	ha			
-	Công trình đầu mối		444,25	444,25	444,25
-	Kênh mương		13,73	13,73	13,73
-	Nuôi trồng thủy sản				45
-	Trồng cây lâu năm (vùng bán ngập)				100
-	Dịch vụ, du lịch (kinh doanh, du lịch sinh thái...)				116